

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN THẾ HÙNG

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUY HOẠCH  
TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI  
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

HÀ NỘI, NĂM 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**TRẦN THẾ HÙNG**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUY HOẠCH  
TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI  
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngành : Quản lý Kinh tế

Mã số : 8340410

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. CAO NGỌC LÂN

HÀ NỘI, NĂM 2018

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tác giả xin cam đoan rằng, đề tài “Quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội từ thực tiễn thành phố Hà Nội” là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tác giả. Các thông tin số liệu, kết quả đã được nêu trong Luận văn là hoàn toàn trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định, bên cạnh đó chưa có công trình nghiên cứu.

**Tác giả luận văn**

**Trần Thế Hùng**

## LỜI CẢM ƠN

Được học tập và nghiên cứu tại Học viện Khoa học Xã hội thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam là niềm vinh dự, tự hào to lớn của tác giả. Trong suốt quá trình đào tạo ở Học viện, tác giả đã được tiếp thu rất nhiều kiến thức quý báu, được rèn luyện và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ. Đáng mừng nhất là tác giả đã tiến hành nghiên cứu và hoàn thành đề tài Luận văn thạc sỹ “Quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội từ thực tiễn thành phố Hà Nội”.

Để có được kết quả như ngày hôm nay, tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành và biết ơn sâu sắc đến Tiến sỹ Cao Ngọc Lân (Trưởng ban Ban Phát triển Vùng - Viện Chiến lược phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đã giúp đỡ, hướng dẫn tận tình trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Bên cạnh đó, tác giả đã nhận được sự giúp đỡ, tạo điều kiện của tập thể Lãnh đạo Học viện, Lãnh đạo các đơn vị và giảng viên thuộc Học viện, các cơ quan đơn vị đã hỗ trợ cung cấp tài liệu, tập thể lớp QLKT đợt 2 năm 2016 đã sát cánh trong suốt chặng đường học tập, nghiên cứu tại Học viện.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KTXH TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG</b> .....	5
1.1. Quan niệm về quy hoạch và quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh, thành phố .....	5
1.2. Quan niệm về quản lý và quản lý nhà nước đối với quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH.....	12
1.3.Các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN về quy hoạch tổng thể phát triển KTXH tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.....	19
1.4. Vị trí, vai trò của Thủ đô Hà Nội đối với sự phát triển của đất nước .	20
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KTXH THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2008 ĐẾN NAY</b> .....	22
2.1. Khái quát chung về thành phố Hà Nội .....	22
2.2. Thực trạng quản lý nhà nước đối với quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH thành phố Hà Nội.....	24
2.3. Đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu quy hoạch .....	44
2.4. Đánh giá mặt được, chưa được và nguyên nhân .....	53
<b>CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN QLNN VỀ QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KTXH THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG GIAI ĐOẠN TỚI</b> .....	63
3.1. Bối cảnh trong nước, quốc tế tác động đến quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH thành phố Hà Nội trong thời gian tới ...	63
3.2. Định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 .....	69

3.3. Định hướng hoàn thiện quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH thành phố Hà Nội .....	71
3.4. Giải pháp hoàn thiện QLNN về QH tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội.....	72
<b>KẾT LUẬN</b> .....	79
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	81

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
KTXH	Kinh tế xã hội
HĐND	Hội đồng nhân dân
QH	Quy hoạch
QL	Quản lý
QLNN	Quản lý nhà nước
TT	Tổng thể
UBND	Ủy ban nhân dân
VBPPL	Văn bản quy phạm pháp luật

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Tình hình thực hiện một số quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH thành phố Hà Nội của các cơ quan quản lý nhà nước.....	28
Bảng 2.2: Tập hợp một số văn bản quy phạm pháp luật về quản lý quy hoạch giai đoạn 2006 đến nay đối với thành phố Hà Nội.....	33
Bảng 2.3. Đối chiếu nội dung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Nghị định 92/2006/NĐ-CP và Nghị định 04/2008/NĐ-CP với Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.....	39
Bảng 2.4. Đối chiếu nội dung thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển KTXH tỉnh theo Nghị định 92/2006/NĐ-CP và Nghị định 04/2008/NĐ-CP với Kết quả thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội.....	42
Bảng 2.5. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu quy hoạch giai đoạn 2011-2015.....	52



## **DANH MỤC SƠ ĐỒ**

Sơ đồ 1.1: Biểu thị nội hàm khái niệm quy hoạch.....	8
Sơ đồ 1.2: Hệ Tổng Quy hoạch theo Nghị định 92/2006/NĐ-CP và Nghị định 04/2008/NĐ-CP.....	10
Sơ đồ 1.3: Hệ thống quản lý và tác động của quản lý.....	13
Sơ đồ 1.4: Hệ thống cơ quan QLNN đối với vùng lãnh thổ Việt Nam.....	16
Sơ đồ 1.5: Quản lý nhà nước về quy hoạch.....	18

## **DANH MỤC BIỂU ĐỒ**

Biểu đồ 2.1: Cơ cấu GRDP thành phố Hà Nội năm 2010, năm 2015 và năm 2017 (%).....	47
Biểu đồ 2.2: GRDP bình quân đầu người của Thủ đô Hà Nội và một số thành phố trực thuộc trung ương năm 2017 (triệu đồng/người).....	57

## **DANH MỤC BẢN ĐỒ**

Bản đồ 2.1: Bản đồ thành phố Hà Nội.....	23
--	----

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trên thế giới, quy hoạch là một công cụ quản lý nhà nước (hoặc quản lý công) khá phổ biến đã và đang được áp dụng ở nhiều quốc gia khác nhau, nhất là thủ đô các nước, từ các nước phát triển như Anh, Pháp, Đức, Hoa Kỳ, Nhật, Hàn Quốc cho tới các quốc gia đang phát triển như Malaysia, Thái Lan, Trung Quốc ...

Ở Việt Nam, vấn đề quy hoạch và quản lý nhà nước về quy hoạch đã và đang được Đảng và Nhà nước coi trọng. Nghị quyết Đại hội Đảng XII mới đây nhất đã chỉ rõ “phải lấy quy hoạch làm cơ sở để quản lý phát triển vùng”.

Hà Nội là Thủ đô, trái tim của cả nước; là trung tâm chính trị, văn hóa, khoa học công nghệ, giao thương kinh tế lớn của cả nước. Luật Thủ đô đã quy định trách nhiệm của Thủ đô là “Xây dựng, phát triển Thủ đô văn minh, hiện đại, tiêu biểu cho cả nước”. Vì vậy, sự phát triển của thành phố Hà Nội có ý nghĩa hết sức to lớn đối với sự phát triển quốc gia. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVI Đảng bộ thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2015-2020 đã xác định nhiệm vụ “làm tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch”. Ngày 06/7/2011 Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và ngày 22/02/2012 đã ký Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Mới đây, ngày 24/11/2017, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã biểu quyết thông qua Luật Quy hoạch. Để triển khai việc thực hiện quy hoạch đạt kết quả thì một trong những vấn đề quan trọng chính là vấn đề hoàn thiện quản lý nhà nước về quy hoạch, trong đó có quản lý nhà nước về quy hoạch thành phố Hà Nội.

Trong thời gian qua, quy hoạch và quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nhất là thành phố Hà Nội đã đạt được một số kết quả nhất định, song vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Mặt khác, bối cảnh quốc tế và trong nước đang và sẽ có nhiều thay đổi, nhất là yêu cầu triển khai Luật Quy hoạch. Những điều đó đòi hỏi phải có những nghiên

cứu về quy hoạch và quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng để nâng cao chất lượng quy hoạch và hoàn thiện quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

Những điều trình bày trên là những lý do chính để tác giả chọn đề tài “Quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội từ thực tiễn thành phố Hà Nội” làm luận văn tốt nghiệp thạc sỹ chuyên ngành Quản lý kinh tế.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Trên thế giới cũng như ở Việt Nam đã có những nghiên cứu về quản lý quy hoạch nhưng mới chỉ tập trung vào quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH vùng, chưa có nghiên cứu cụ thể về quản lý quy hoạch đối với quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH cấp tỉnh. Có thể nói, Luận văn này là nghiên cứu đầu tiên trong công tác quản lý quy hoạch cấp tỉnh nói chung, với thành phố Hà Nội nói riêng.

## **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

Trên cơ sở tổng quan một số vấn đề lý luận, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về quy hoạch thành phố Hà Nội giai đoạn 2008 đến nay, từ đó đề xuất định hướng hoàn thiện quản lý nhà nước về quy hoạch thành phố Hà Nội đến năm 2030.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: Quy hoạch và quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cụ thể là quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội.

- Chủ thể quản lý: Nhà nước (hệ thống các cơ quan nhà nước hữu trách) theo quy định hiện hành tại Nghị định 92/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/9/2006 Về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển KTXH (dưới đây viết tắt là Nghị định 92/2006/NĐ-CP) và Nghị định 04/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/01/2008 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-

CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển KTXH (dưới đây viết tắt là Nghị định 04/2008/NĐ-CP).

- Công cụ quản lý: Các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Nghị định 92/2006/NĐ-CP và Nghị định 04/2008/NĐ-CP.

- Đối tượng quản lý: Các khâu: lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và triển khai thực hiện quy hoạch theo quy định tại Nghị định 92/2006/NĐ-CP và Nghị định 04/2008/NĐ-CP.

- Phạm vi nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu vấn đề quản lý nhà nước về quy hoạch thành phố Hà Nội giai đoạn hiện nay.

- Về thời gian: từ 2008 (năm thành phố được sáp nhập địa giới hành chính với tỉnh Hà tây cũ) đến nay; tương lai: đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

## **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Đề tài sẽ sử dụng các phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử kết hợp các phương pháp nghiên cứu như:

- Phương pháp thu thập số liệu: tác giả xử lý số liệu từ nhiều nguồn khác nhau, chủ yếu từ số liệu thống kê trong Niên giám thống kê thành phố Hà Nội và một số bài viết, báo cáo về thành phố Hà Nội.

- Phương pháp so sánh, đối chiếu: thông qua những số liệu thu thập được, tác giả sử dụng phương pháp so sánh đối chiếu các chỉ tiêu, các hiện tượng KTXH đã được lượng hóa có cùng một nội dung, tính chất tương tự nhau để so sánh tình hình thực hiện quy hoạch so với mục tiêu đã đề ra.

- Phương pháp kế thừa, nghiên cứu tài liệu: tác giả luân văn có nghiên cứu, tham khảo và kế thừa một số tài liệu đến vấn đề liên quan trong luận văn.

- Phương pháp bảng biểu, sơ đồ: sử dụng để minh họa trong các phần thuyết minh trong bài.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 11443/VPCP-QHĐP ngày 27/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, văn bản số

7309/BKHĐT-QLQH ngày 07/9/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, để chuẩn bị các điều kiện để lập quy hoạch cho thời kỳ 2021-2030 theo các quy định của Luật Quy hoạch 2017, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch thì việc nghiên cứu quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội từ thực tiễn thành phố Hà Nội là việc làm cần thiết. Luận văn là tài liệu tham khảo cho các cơ quan quản lý nhà nước cũng như Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các nhà khoa học trong lĩnh vực quản lý nhà nước về quy hoạch, nhất là đối với thành phố Hà Nội, đặc biệt trong bối cảnh chuẩn bị xây dựng quy hoạch thành phố Hà Nội cho giai đoạn 2021-2030 theo tinh thần Luật Quy hoạch.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Đề tài ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn sẽ có 3 nội dung chính như sau:

*Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý nhà nước đối với quy hoạch tỉnh, thành phố;*

*Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội giai đoạn 2008 đến nay;*

*Chương 3: Phương hướng hoàn thiện quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030*

# CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KTXH TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

## 1.1. Quan niệm về quy hoạch và quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh, thành phố

### 1.1.1. Quan niệm về quy hoạch

#### a) Quan niệm quy hoạch trên thế giới

Theo Margaret Roerts, *Quy hoạch* là tiến hành lựa chọn trong số những phương án cái nào tỏ ra rộng mở vào tương lai, rồi tìm cách bảo đảm cho sự thực hiện đó, điều đó lệ thuộc vào sự cung ứng các nguồn lực cần thiết... Vì rằng quy hoạch là quá trình ra quyết định và là hoạt động cung ứng nguồn lực cho nên quy hoạch mang tính chính trị, trong đó các phương án lựa chọn sẽ không mang lại lợi ích đồng đều và như nhau đối với tất cả các thành viên của xã hội...

Theo Mr. Peter Hall, GS. Đại học Tổng hợp London, Chủ tịch Hiệp hội Đô thị và Nông thôn Vương quốc Anh (1992): Quy hoạch như một hoạt động chung, bao gồm việc tạo ra một chuỗi hành động có trình tự, dẫn đến việc đạt một hay nhiều mục tiêu đề ra. Các phương tiện thực hiện chính sẽ là các thuyết minh được hỗ trợ một cách thích hợp bởi các dự báo thống kê, các quan hệ toán học, các đánh giá định lượng và các sơ đồ minh họa mối quan hệ giữa các thành tố khác nhau của bản quy hoạch. Các bản quy hoạch có thể bao gồm hoặc không bao gồm các phác thảo vật thể chính xác của các công trình.

Theo tài liệu Tổng quan về quy hoạch của Tổ chức Liên minh Thế giới có sự tham gia công dân: Quy hoạch là một tiến trình thực hiện có tính hệ thống đưa ra các nhu cầu, tìm ra con đường tốt nhất để đạt được nhu cầu đó, trong một khung chiến lược cho phép bạn xác định những ưu tiên, nguyên lý vận hành. Quy hoạch chính là nghĩ về tương lai để biết bạn có thể làm gì về nó bây giờ. Điều đó không nhất thiết là tất cả mọi thứ sẽ phải theo đúng kế hoạch, nó cũng có thể không. Nếu bạn có một kế hoạch đàng hoàng, có khả năng điều chỉnh nó, mà không cần phải thỏa hiệp với mục tiêu chung, thì chắc chắn sẽ tốt hơn.

Cũng theo tài liệu Tổng quan về quy hoạch của Tổ chức Liên minh Thế giới

có sự tham gia công dân, khái niệm quy hoạch được định nghĩa là sự kết hợp của khung chiến lược tốt (đạt được thông qua quy hoạch chiến lược) và kế hoạch thực hiện tốt hay kế hoạch hành động tốt, gồm: Cung cấp sự hiểu biết rõ ràng điều gì bạn cần làm để đạt được mục tiêu phát triển; hướng dẫn bạn về các ưu tiên và đưa ra quyết định; cho phép bạn trọng tâm vào nguồn lực hạn hẹp có thể trong các hoạt động mang lại lợi ích lớn nhất; giữ bạn trong bối cảnh chung toàn cầu, quốc gia, khu vực cụ thể; cung cấp bộ công cụ giúp bạn hợp tác (communicate) mong muốn của bạn với người khác; cung cấp hướng dẫn tốt để thực hiện hàng ngày.

Trong tài liệu tiếng Nga của Wikipedia (từ điển bách khoa toàn thư mở): Quy hoạch được hiểu là sự phân bổ các nguồn lực một cách tối ưu để đạt được các mục tiêu đặt ra, bao gồm toàn bộ những hoạt động (gồm nhiều quá trình) gắn với các mục tiêu (nhiệm vụ) đó cũng như cách thức thực hiện chúng trong tương lai. Dưới góc độ toán học, quy hoạch có thể coi là một hàm số toán học, trong đó thời gian là một trong những nhân tố quan trọng.

Như vậy, tổng quát hoạt động quy hoạch bao gồm các bước sau: (1) Đặt ra các mục tiêu và nhiệm vụ; (2) Xây dựng các chương trình (kế hoạch) hành động; (3) Thiết kế và xem xét các phương án kế hoạch khác nhau; (4) Xác định các nguồn lực cần thiết và các nguồn huy động; (5) Xác định những người có trách nhiệm thi hành cụ thể; (6) Đưa ra các mục tiêu đặt ra dưới dạng hình thức cụ thể (ví dụ như các văn bản đề án, dự án hay các quyết định).

Trong tài liệu tổng quan quy hoạch các nước châu Âu của Pháp: Khái niệm “quy hoạch” được sử dụng rộng rãi tại các nước, tuy nhiên về sau họ chuyển sang “quy hoạch chiến lược”. Dựa vào ý chí quyền lực công, hình thức quy hoạch được so sánh với một hệ thống liên tục, kế tiếp của Giovanni Astengo đưa ra (1992). Hệ thống này được thiết lập dựa trên sự tồn tại của các thứ bậc trật tự trên dưới giữa các cấp bậc khác nhau tại một vùng và trong các cơ quan cấp cao hơn (nhà nước và địa phương) thực hiện quyền giám hộ và kiểm soát các cấp thấp hơn. Chính các yếu tố thứ bậc này tạo ra một chu trình tuyến tính của việc quy hoạch, thể hiện bằng các bước nối tiếp như: nghiên cứu tiền khả thi và phân tích nguồn lực, xác định mục



tiêu và định hướng, định vị không gian và các chương trình, hình thành các dự án, cùng thực hiện.

*b) Quan niệm quy hoạch trong nước*

Theo PGS.KTS. TS Trần Trọng Hanh trình bày trong báo cáo “ Giải pháp cho các tiếp cận tổng hợp quy hoạch vùng ở Việt Nam” tại Hội thảo “Đổi mới công tác quy hoạch vùng ở Việt Nam” thì “Quy hoạch là sự trù tính cách thức, đường lối trước khi làm”.

Trong tập bài giảng Quy hoạch phát triển của Trường Đại học Kinh tế quốc dân, TS. Nguyễn Tiến Dũng lại cho rằng “Quy hoạch phát triển là một hoạt động nhằm cụ thể hóa chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và các vùng lãnh thổ nhằm xác định một cơ cấu ngành không gian xã hội của quá trình tái sản xuất xã hội thông qua việc xác định cơ sở sản xuất phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống nhằm không ngừng nâng cao mức sống dân cư, hợp lý hóa lãnh thổ và phát triển kinh tế bền vững”.

Giáo trình Quản lý học của Trường Đại học Kinh tế quốc dân định nghĩa: Quy hoạch (Planning) thể hiện tầm nhìn, sự bố trí chiến lược theo không gian và thời gian nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả cao và phát triển bền vững.

Theo PGS. TS Hoàng Sỹ Động, “Quy hoạch là lộ trình của các hoạt động chính để đạt được mục tiêu rõ ràng, chú trọng tổ chức không gian treencow sở khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế tại một phạm vi không gian nhất định và theo thời gian xác định”. Và theo đó, khái niệm quy hoạch có nội hàm cơ bản như sau:

- *Thứ nhất:* Quy hoạch là môn khoa học, dựa trên cơ sở của nhiều môn khoa học khác và mang tính sáng tạo về phương pháp tiếp cận, bộ công cụ... và mục tiêu, kịch bản, phương hướng phát triển, giải pháp thực hiện trên không gian xác định và theo thời gian, chú trọng tương lai gần, đặt trong xu thế phát triển chung.

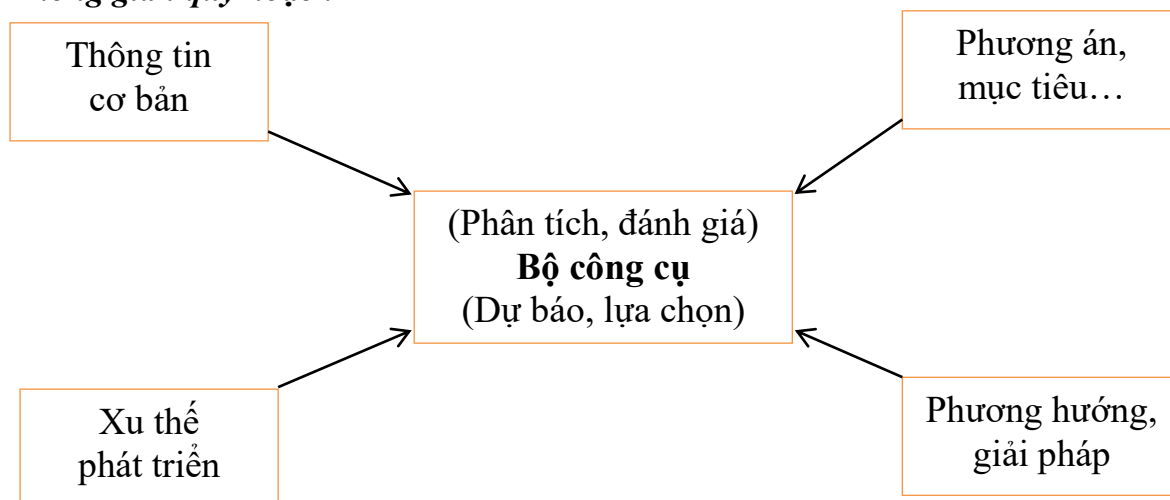
- *Thứ hai:* Quy hoạch là một lộ trình của các hoạt động logic nhằm đạt được mục tiêu rõ ràng, chú trọng tổ chức không gian trên cơ sở phân tích, đánh giá các nguồn lực, điều kiện, đặt trong xu thế phát triển bằng bộ công cụ hợp lý nhằm khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế tại một phạm vi không gian nhất định và theo thời

gian xác định.

- *Thứ ba*: Quy hoạch là lộ trình của các hoạt động chính để đạt được mục tiêu rõ ràng, chú trọng tổ chức không gian trên cơ sở khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế tại một phạm vi không gian nhất định và theo thời gian xác định.

### Sơ đồ 1.1: Biểu thị nội hàm khái niệm quy hoạch

#### *Không gian quy hoạch*



#### *Thời gian quy hoạch*

*Nguồn: “Quy hoạch từ lý thuyết đến thực tiễn ở nước chuyển đổi mô hình phát triển” – PGS. TS Hoàng Sỹ Động, 2012*

Viện Chiến lược phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư định nghĩa: Quy hoạch là việc lựa chọn phương án phát triển và tổ chức không gian KTXH cho thời gian dài hạn trên lãnh thổ xác định.

Theo Luật Quy hoạch, *Quy hoạch* là việc sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ xác định để sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước phục vụ mục tiêu phát triển bền vững cho thời kỳ xác định.

#### **1.1.2. Quan niệm về quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh, thành phố**

##### *a. Quan niệm về QH tổng thể phát triển KTXH*

*TS Phạm Sỹ Liêm*: Quy hoạch tổng thể là quá trình tổ chức kết nối không

gian cho việc định cư và các hoạt động kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, an toàn công cộng, quốc phòng, dựa trên các chính sách và chiến lược phát triển quốc gia và các ngành, nhằm mục tiêu cho phát triển có trật tự, hiệu quả, công bằng và bền vững trong dài hạn trên phạm vi lãnh thổ nhất định.

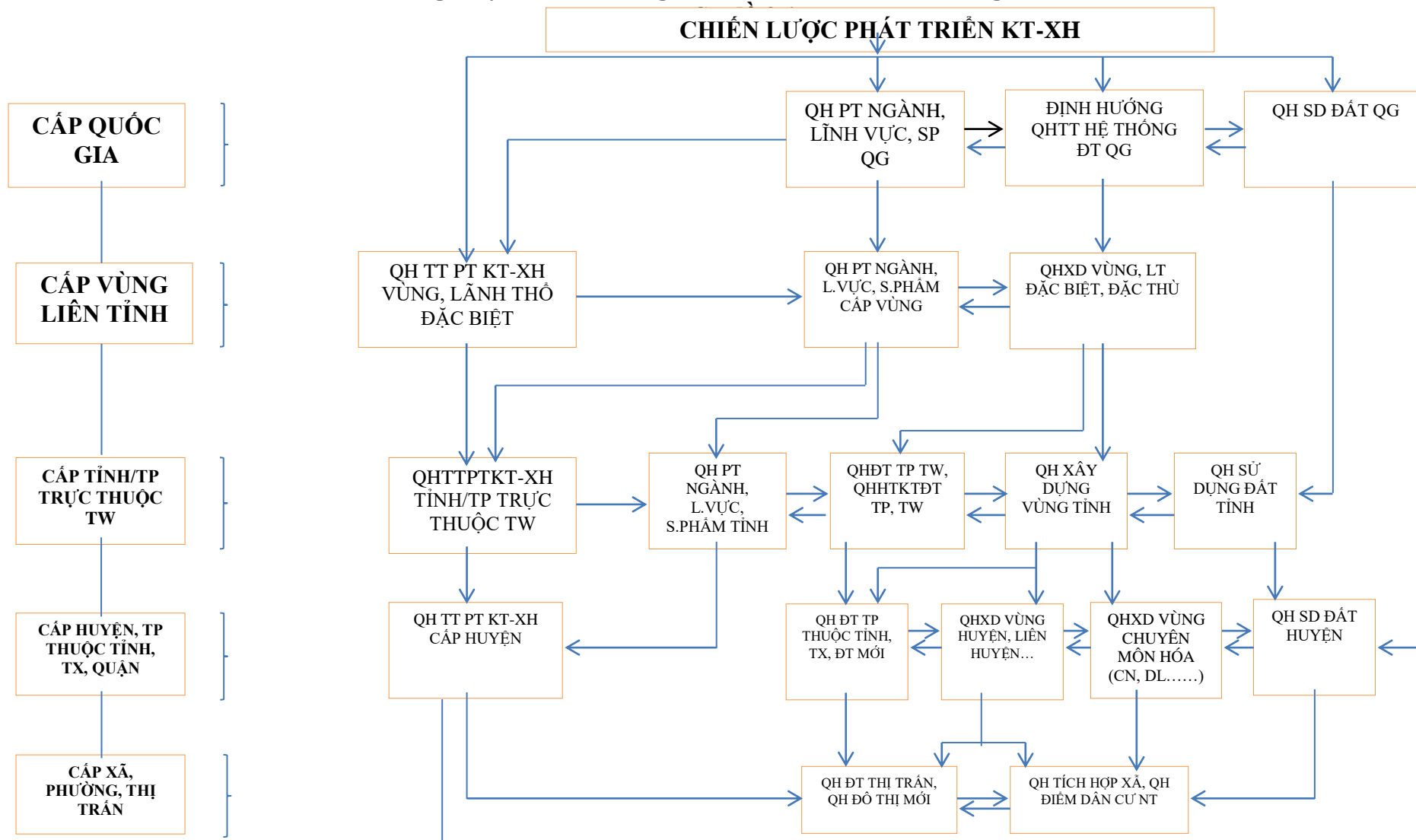
PGS. TS Ngô Doãn Vịnh: Quy hoạch phát triển tổng thể là việc luận chứng phát triển và tổ chức lãnh thổ các hoạt động kinh tế, xã hội, môi trường hợp lý để thực hiện mục tiêu phát triển quốc gia (hoặc mục tiêu phát triển của vùng lớn, của tỉnh, của huyện) trong tầm dài hạn (vài chục năm trở lên) trên cơ sở phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, các nguồn lực, các cơ hội và giảm thiểu các nguy cơ, thách thức.

*TS Nguyễn Bá Ân:* Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH được định nghĩa là dự báo phát triển và tổ chức không gian các đối tượng kinh tế, xã hội và môi trường cho thời kỳ dài hạn trên lãnh thổ xác định, có tính tới các điều kiện của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Viện Chiến lược phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư định nghĩa: QH tổng thể phát triển KTXH là việc luận chứng phát triển KTXH và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế, xã hội hợp lý (hay bố trí hợp lý kinh tế, xã hội) theo lãnh thổ để thực hiện mục tiêu chiến lược KTXH quốc gia. QH tổng thể phát triển KTXH là bước cụ thể hóa của chiến lược phát triển KTXH quốc gia theo các điều kiện và đặc điểm của từng lãnh thổ.

*Nghị định 92 và Nghị định 04:* Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH, là luận chứng phát triển KT-XH và tổ chức không gian KT-XH hợp lý trên lãnh thổ quốc gia trong một thời gian xác định.

Sơ đồ 1.2: Hệ thống Quy hoạch theo Nghị định 92/2006/NĐ-CP và Nghị định 04/2008/NĐ-CP



Nguồn: Báo cáo Tổng kết về công tác quy hoạch – Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2015)

*a. Quan niệm về QH tổng thể phát triển KTXH tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*

Giáo trình Quản lý phát triển địa phương định nghĩa: QH tổng thể phát triển KTXH tỉnh, thành phố (địa phương) là việc luận chứng phát triển KTXH và tổ chức không gian các hoạt động KTXH hợp lý (hay bố trí hợp lý các hoạt động KTXH trên địa bàn địa phương) để thực hiện mục tiêu chiến lược KTXH địa phương. QH tổng thể phát triển KTXH là bước cụ thể hóa của chiến lược phát triển KTXH địa phương.

Từ khái niệm trên, QH tổng thể phát triển KTXH địa phương có một số đặc trưng chủ yếu để nhận biết là:

- Là một bản luận chứng về phát triển KTXH trên một địa phương nhất định.
- Đã nói đến QH phải gắn liền với lãnh thổ, bố trí sắp xếp các nguồn lực một cách hợp lý trên không gian lãnh thổ.
- Gắn với chiến lược, cụ thể hóa chiến lược, bản thân QH địa phương có tính chiến lược.

Theo TS Ngô Thúy Quỳnh, QH tổng thể phát triển KTXH đối với cấp tỉnh phải cụ thể hơn QH tổng thể phát triển KTXH cấp vùng và QH tổng thể phát triển KTXH cả nước. Căn cứ vào quy hoạch tổng thể cả nước, quy hoạch tổng thể đối với cấp tỉnh xác định quy mô dân số, lựa chọn danh mục sản phẩm chủ lực, các khu vực chuyên môn hóa, hệ thống khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế (nếu có), mạng lưới đô thị (thành phố thuộc tỉnh, đô thị tỉnh lỵ, trung tâm huyện lỵ), mạng lưới giao thông nối kết với các tuyến trục của vùng và nội bộ tỉnh, mạng lưới cung cấp điện, nước, thông tin, trường học, bệnh viện, xử lý chất thải rắn và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực công của tỉnh.

Quy hoạch tỉnh là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bố đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn (Luật Quy hoạch).

## **1.2. Quan niệm về quản lý và quản lý nhà nước đối với quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH**

### ***1.2.1. Quan niệm về quản lý***

Theo D. Torrington, quản lý là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý tác động lên đối tượng và khách thể quản lý nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các tiềm năng, cơ hội của hệ thống để đạt được mục tiêu trong điều kiện biến động của môi trường.

Theo Giáo trình Quản lý học của Đại học Kinh tế quốc dân, quản lý là quá trình lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát các nguồn lực và hoạt động của hệ thống xã hội nhằm đạt được mục đích của hệ thống với hiệu lực và hiệu quả cao một cách bền vững trong điều kiện môi trường luôn biến động.

Theo Giáo trình Quản lý học đại cương của Học viện Hành chính quốc gia, QL là sự tác động có tổ chức, có đích hướng của chủ thể lên các khách thể nhằm đạt được mục tiêu định trước”.

Quản lý nói chung là sự tác động có tổ chức, có mục đích của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý và khách thể quản lý nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đạt được các mục tiêu đặt ra trong sự vận động của sự vật.

Đối tượng quản lý, khách thể quản lý chủ yếu là quản lý con người, ngoài ra còn quản lý các khách thể khác như tài nguyên, cơ sở vật chất kỹ thuật... Chủ thể quản lý có thể là một người, một tổ chức, một bộ máy...

Quản lý là sự kết hợp giữa trí tuệ và lao động, bởi vì ba nhân tố có tính chất quyết định sự thành bại, phát triển của một công việc, một chế độ xã hội là trí lực, sức lao động và quản lý, trong đó sự quản lý là sự phối, kết hợp giữa sức lao động và trí thức. Nếu phối hợp tốt thì xã hội, nền kinh tế sẽ phát triển, ngược lại thì sẽ trì trệ, rối ren. Vì thế, nói đến quản lý là phải nói đến một cơ chế vận hành, tức là cơ chế quản lý (như chế độ, chính sách, biện pháp tổ chức, tâm lý xã hội...).

Vì vậy, chủ thể quản lý phải có khoa học và nghệ thuật trong việc tác động vào đối tượng bị quản lý (con người trong xã hội) và các khách thể quản lý

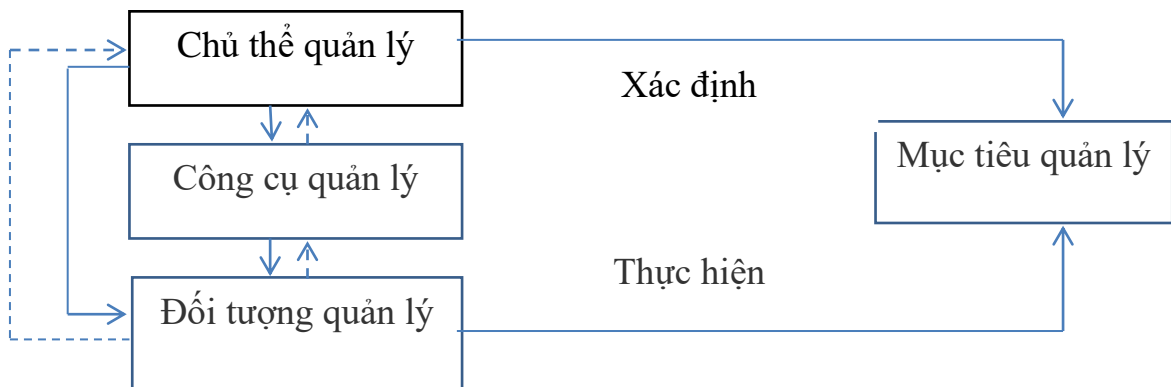
khác như tài nguyên, môi trường, khoa học công nghệ... hoạt động hướng đích của chủ thể quản lý với hiệu quả cao nhất.

Quản lý nảy sinh chủ yếu từ tính xã hội hóa lao động sản xuất và hoạt động lao động nói chung của con người. Quản lý sinh ra từ tính chất biến đổi của lao động do tác động của sự phát triển lực lượng sản xuất. “Bất kỳ một lao động xã hội hay cộng đồng nào được tiến hành trên quy mô tương đối lớn cũng đều cần có sự quản lý, nó xác lập mối quan hệ hài hòa giữa các công việc riêng rẽ và thực hiện những chức năng chung nhất, xuất phát từ sự vận động của toàn bộ cơ cấu sản xuất (khác với sự vận động của từng bộ phận độc lập trong nền sản xuất ấy). Một nghệ sĩ chơi đàn chỉ phải điều khiển có chính mình, nhưng một dàn nhạc thì cần phải có nhạc trưởng”.

Quản lý là sự tác động có ý thức để chỉ huy, điều khiển, hướng dẫn các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người để đạt tới mục đích đúng ý chí của con người quản lý và phù hợp với quy luật khách quan.

Quản lý vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật, quản lý là một tất yếu khách quan của quá trình xã hội hóa sản xuất.

### Sơ đồ 1.3. Hệ thống quản lý và tác động của quản lý



*Nguồn: Đề tài khoa học cấp Bộ năm 2014 “Đánh giá thực trạng quản lý phát triển vùng ở Việt Nam giai đoạn 2001-2010” của TS Cao Ngọc Lâm – Trưởng ban Ban Phát triển Vùng – Viện Chiến lược phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư.*

Sơ đồ 1.3 cho thấy, Hệ thống quản lý bao gồm chủ thể quản lý, công cụ quản

lý và đối tượng quản lý, chúng tác động qua lại lẫn nhau để đạt được mục tiêu quản lý. Có thể thấy, chủ thể quản lý sử dụng công cụ quản lý để tác động lên đối tượng quản lý và ngược lại, đối tượng quản lý qua công cụ quản lý tác động lên đối tượng quản lý. Nhưng mỗi quan hệ này chỉ mang tính tương đối.

### ***1.2.2. Quan niệm về quản lý nhà nước đối với quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH***

Theo GS. TS Phan Huy Đường, QLNN là một dạng QL do nhà nước làm chủ thể, định hướng điều chỉnh, chi phối... để đạt được mục tiêu KTXH trong những giai đoạn lịch sử nhất định.

QLNN là sự QL xã hội bằng quyền lực nhà nước, ý chí nhà nước, thông qua bộ máy nhà nước làm thành hệ thống tổ chức điều khiển quan hệ xã hội và hành vi hoạt động của con người để đạt được mục tiêu KTXH nhất định, theo những thời gian nhất định với hiệu quả cao.

Theo Giáo trình Quản lý hành chính Nhà nước: “QLNN là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực Nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người để duy trì và phát triển các mối quan hệ xã hội và trật tự pháp luật nhằm thực hiện những chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa”

Qua định nghĩa trên cho thấy, QLNN là hoạt động mang tính chất quyền lực Nhà nước, sử dụng quyền lực Nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội. QLNN được xem là một hoạt động chức năng của Nhà nước trong quản lý xã hội và có thể xem là hoạt động chức năng đặc biệt. QLNN được hiểu theo hai nghĩa:

- Theo nghĩa rộng: QLNN là toàn bộ hoạt động tổ chức, điều hành của bộ máy Nhà nước, nghĩa là bao hàm cả sự tác động, tổ chức của quyền lực Nhà nước trên các phương diện lập pháp, hành pháp và tư pháp. Theo cách hiểu này, QLNN ở Việt Nam được đặt trong cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân lao động làm chủ”.

- Theo nghĩa hẹp: QLNN chủ yếu là quá trình tổ chức, điều hành của hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt



động của con người theo pháp luật nhằm đạt được những mục tiêu yêu cầu của nhiệm vụ QLNN. Đồng thời, các cơ quan Nhà nước nói chung còn thực hiện các hoạt động có tính chất chấp hành, điều hành, tính chất hành chính Nhà nước nhằm xây dựng tổ chức bộ máy và củng cố chế độ công tác nội bộ của mình. Chẳng hạn ra quyết định thành lập, chia tách, sáp nhập các đơn vị tổ chức thuộc bộ máy của mình; đề bạt, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, ban hành quy chế làm việc nội bộ,...

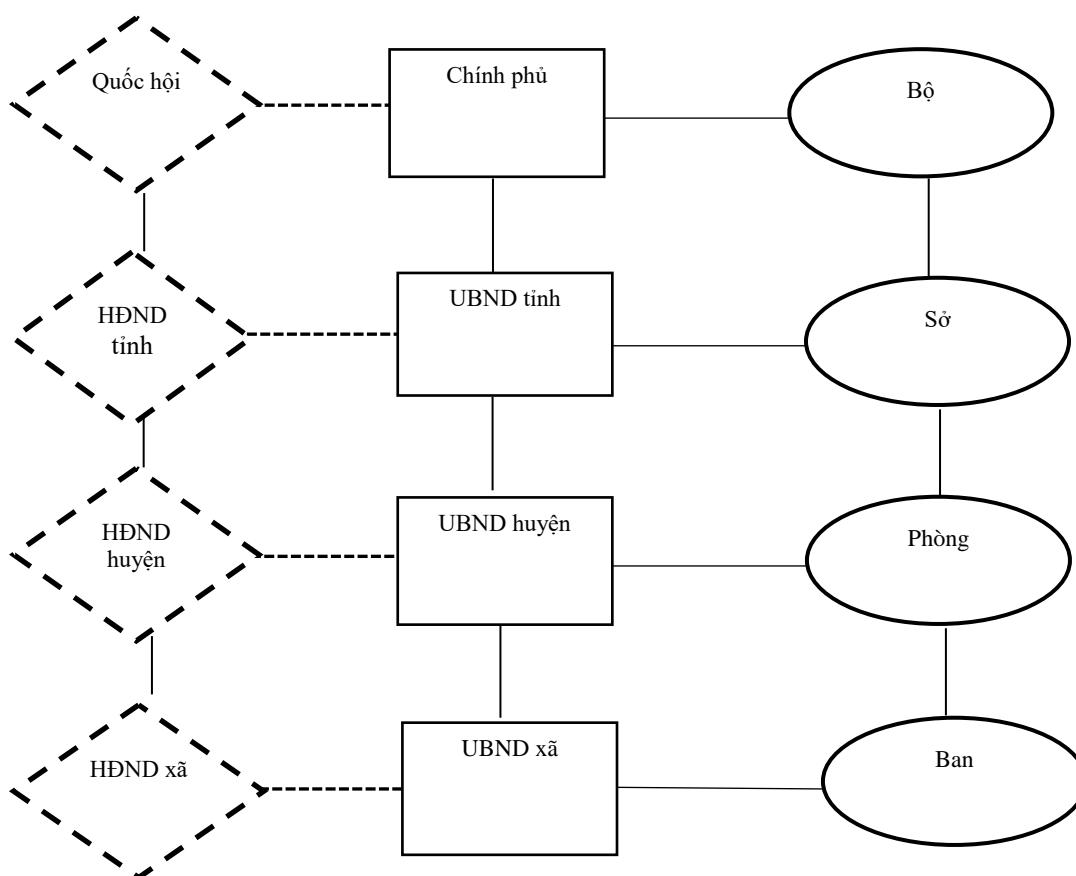
Tác giả luận văn đồng tình với tác giả Ngô Thúy Quỳnh về quan niệm QLNN đối với cấp tỉnh:

- QLNN đối với cấp tỉnh là việc UBND tỉnh sử dụng quyền được giao và căn cứ vào luật pháp hiện hành của Nhà nước cũng như luật pháp do chính quyền địa phương ban hành để quản lý nhà nước đối với các hoạt động KTXH, môi trường, chính trị, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

- QLNN đối với cấp tỉnh phải thực hiện quan điểm, nguyên tắc chung đối với QLNN về vùng lãnh thổ;

- QLNN đối với cấp tỉnh phải quán triệt tinh thần “vì con người và do con người” và trực tiếp phải vì phát triển, tuân thủ nguyên tắc chung của QL vùng lãnh thổ nhưng toàn diện và cụ thể hơn.

**Sơ đồ 1.4: Hệ thống cơ quan QLNN đối với vùng lãnh thổ ở Việt Nam**



Ghi chú: HĐND: Hội đồng nhân dân; UBND: Ủy ban nhân dân

*Nguồn: TS Ngô Thúy Quỳnh (2014), “Những vấn đề chủ yếu về QLNN đối với vùng lãnh thổ”, NXB Thống kê, Hà Nội*

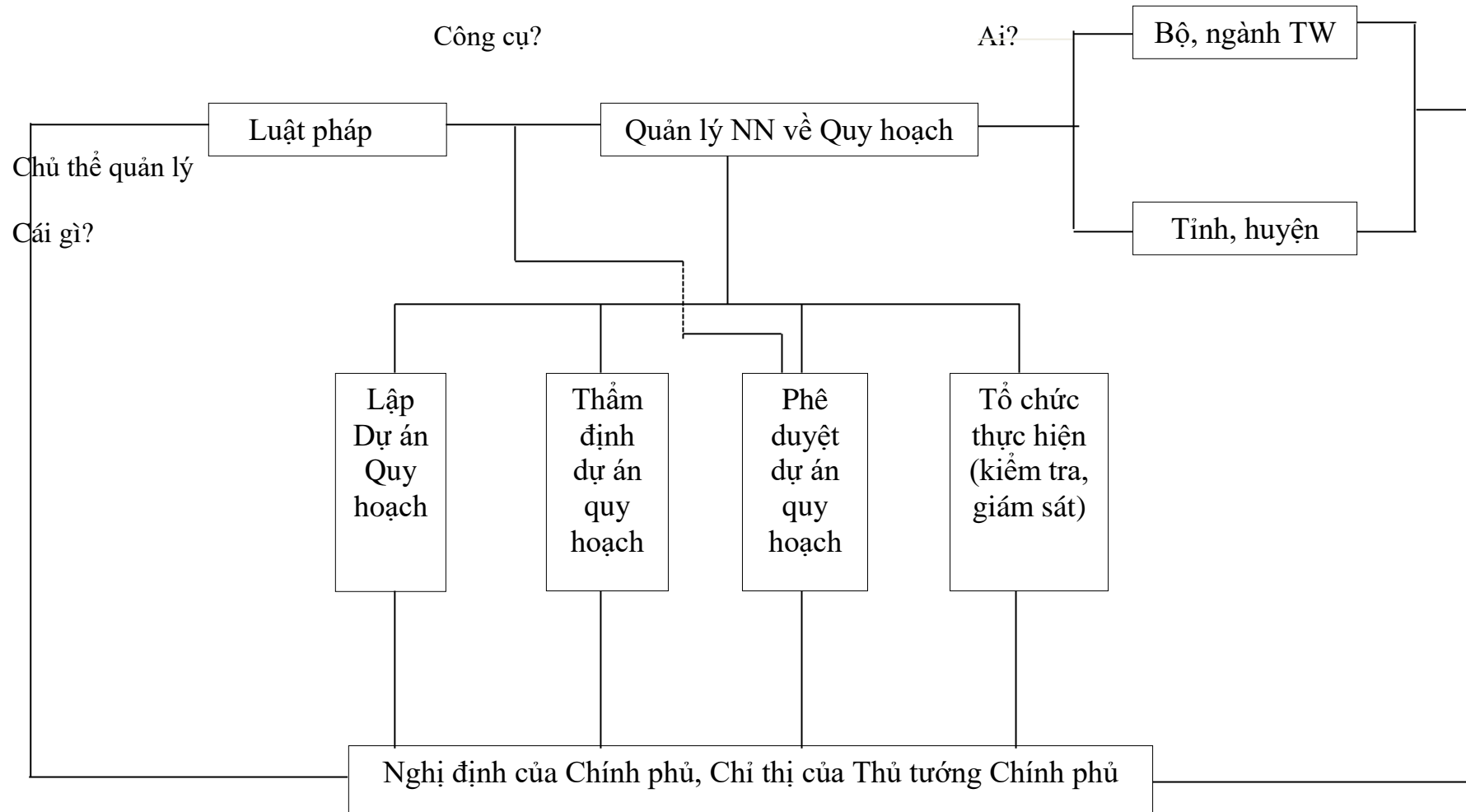
Như vậy, đối với QH tổng thể phát triển KTXH, theo tác giả luận văn, QLNN về QH tổng thể phát triển KTXH là việc mà ở đó, chủ thể quản lý bằng quyền lực của mình sử dụng công cụ quản lý tác động lên đối tượng quản lý, cụ thể:

- (1) - Chủ thể quản lý: Nhà nước (hệ thống các cơ quan nhà nước hữu trách)
- (2) - Công cụ quản lý: Hệ thống pháp luật, quy hoạch, ...
- (3) - Đối tượng quản lý: Toàn bộ công tác quy hoạch

Quản lý Nhà nước về quy hoạch phát triển KTXH là một khâu của quản lý Nhà nước về kinh tế và xã hội. Vì vậy, nó mang những nét chung của quản lý Nhà nước về kinh tế và xã hội. Tuy nhiên, quản lý Nhà nước về quy hoạch phát triển KTXH cũng có những nét đặc thù riêng. Thực chất, quản lý Nhà nước về quy hoạch

phát triển kinh tế-xã hội là quản lý toàn bộ các hoạt động thuộc lĩnh vực quy hoạch phát triển KTXH, là quản lý nhà nước từ hoạt động nghiên cứu xây dựng dự án quy hoạch phát triển KTXH đến hoạt động tổ chức thẩm định, phê duyệt và sau đó là tổ chức thực hiện đến các hoạt động rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển KTXH nhằm tạo được tiền đề quan trọng để nền kinh tế của các nước nói chung và các vùng lãnh thổ nói riêng phát triển đạt hiệu quả cao và bền vững.

**Sơ đồ 1.5: Quản lý Nhà nước về quy hoạch**



*Nguồn: Bài trình bày: “Những vấn đề cơ bản của quản lý Nhà nước đối với quy hoạch phát triển KTXH” của PGS.TS Ngô Doãn Vịnh – Nguyên Viện trưởng Viện Chiến lược phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2007.*

Đối với QLNN về quy hoạch tỉnh, theo Nghị định 92/2006/NĐ-CP và Luật Quy hoạch thì:

- Chính phủ thống nhất QLNN về quy hoạch;
- Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện QLNN về QH và hướng dẫn UBND cấp tỉnh trong việc lập và tổ chức thực hiện QH;
- UBND cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện QLNN về QH tại địa phương:
  - + Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện QH tỉnh;
  - + Tổ chức thực hiện QH tỉnh;

### **1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN về quy hoạch tổng thể phát triển KTXH tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

Có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển KTXH tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong đó các nhân tố dưới đây được coi là quan trọng nhất:

- Cơ cấu quyền lực chính trị, sự tập trung quyền lực hay phân quyền sẽ tạo ra sự khác nhau cơ bản dẫn tới khác nhau đáng kể trong cả tổ chức Nhà nước trong đó có quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển KTXH.

- Trình độ của chủ thể quản lý lý vĩ mô thể hiện trình độ nhận thức các quy luật khách quan, nhận thức về kinh tế- xã hội, con người, nhận thức về đối tượng điều chỉnh,... Điều này có tác động lớn đến quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển KTXH.

Các tập tục thông lệ cũng ảnh hưởng mạnh tới các thể chế chính thức của quốc gia, trong đó có thể chế kinh tế.

Thể chế kinh tế thị trường có vai trò to lớn trong phát triển KTXH, đặc biệt là việc quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển KTXH.

Đặc biệt trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,

nghiên cứu quy hoạch tổng thể phát triển KTXH vùng và các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển KTXH vùng, nhất là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chúng ta sẽ có được các chủ trương, chính sách hợp lý để xây dựng và phát triển nó.

- Tư duy phát triển hiện đại là nền tảng làm thay đổi nhận thức của con người về nhận thức thế giới, thiết kế hệ thống kinh tế, các hoạt động kinh tế trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế. Chính vì vậy, tư duy phát triển hiện đại có tác động lớn đến quy hoạch tổng thể phát triển KTXH.

- Mô hình kinh tế cũng có tác động mạnh tới quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển KTXH nói chung và đối với quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển KTXH tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nói riêng. Sự khác biệt giữa các mô hình kinh tế, chẳng hạn như mô hình kinh tế thị trường với mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, các mô hình kinh tế thị trường (kinh tế thị trường tự do, kinh tế thị trường xã hội, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa...) cũng tạo ra sự khác biệt trong quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển KTXH.

#### **1.4. Vị trí, vai trò của Thủ đô Hà Nội đối với sự phát triển của đất nước**

Hà Nội là Thủ đô, trung tâm chính trị, hành chính của quốc gia, nơi đặt trụ sở, cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế và là nơi diễn ra các hoạt động đối nội, đối ngoại quan trọng nhất của đất nước.

Trung tâm văn hóa lớn của cả nước và bản sắc trong khu vực; hội tụ tinh hoa văn hóa ngàn năm văn hiến, hiện đại của Thủ đô và tiêu biểu của cả nước; khởi phát, sáng tạo, phát triển nền văn hóa tiên tiến, hiện đại, đa dạng và đặc trưng của Thủ đô, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Trung tâm khoa học, giáo dục, đào tạo, y tế lớn của cả nước và có uy tín trong khu vực; đi đầu trong nghiên cứu, sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ trên phạm vi cả nước; có nền giáo dục, đào tạo và y tế tiên tiến,

hiện đại; là địa bàn tập trung nhiều cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nơi tạo dựng, bồi dưỡng và phát triển nhân tài cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô và cả nước.

Trung tâm kinh tế, tài chính lớn; đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế cả nước, là động lực phát triển cho vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng; đi đầu trong xây dựng, phát triển kinh tế tri thức với các ngành kinh tế tiên tiến, hiện đại, năng suất cao, hiệu quả lớn; phát triển kinh tế Hà Nội có tác dụng đi đầu, hỗ trợ các tỉnh trong vùng cùng phát triển.

Trung tâm giao dịch quốc tế chính của cả nước và có uy tín trong khu vực; là thành phố quốc tế, nơi đặt trụ sở các cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế, các tập đoàn đa quốc gia, xuyên quốc gia; nơi tổ chức các sự kiện quốc tế lớn và hoạt động đối ngoại quan trọng nhất của đất nước.

### **Tiểu kết Chương 1**

Để có cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng QLNN về QH tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội ở Chương 2, tác giả luận văn đã đưa ra cơ sở lý luận và thực tiễn về QLNN đối với QH tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội ở Chương 1. Khái niệm “quy hoạch”, “quy hoạch tổng thể phát triển KTXH tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” đã được các nhà khoa học trên thế giới và trong nước định nghĩa và mới đây, trong Luật Quy hoạch những khái niệm này đã được làm rõ. Vậy QLNN đối với QH tổng thể phát triển KTXH tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như thế nào, tác giả luận văn đã phân tích khái quát và đưa ra quan niệm riêng của bản thân về vấn đề này.

Đối tượng cụ thể là thành phố Hà Nội với những vai trò quan trọng như Hà Nội là thủ đô, là trái tim của cả nước; là trung tâm chính trị, văn hóa, khoa học công nghệ, giao thương kinh tế lớn của cả nước và những nội dung của QLNN như tác giả luận văn đã nêu thì việc QLNN đối với QH tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội đã được thực hiện như thế nào là nội dung chủ yếu mà tác giả luận văn phân tích ở Chương 2.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KTXH THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2008 ĐẾN NAY**

### **2.1. Khái quát chung về thành phố Hà Nội**

Hà Nội nằm ở trung tâm vùng Đồng bằng sông Hồng, tiếp giáp với 8 tỉnh: Thái Nguyên ở phía Bắc; Bắc Giang - phía Đông Bắc; Bắc Ninh, Hưng Yên - phía Đông; Hà Nam ở phía Nam, Hòa Bình - Tây Nam, Phú Thọ - phía Tây; Vĩnh Phúc - phía Tây Bắc.

Thành phố Hà Nội là Thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có vị trí địa lý - chính trị quan trọng, có ưu thế đặc biệt so với các địa phương khác trong cả nước. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thành phố đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã xác định: Thủ đô Hà Nội - trái tim của cả nước, đầu não chính trị - hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở, cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế và là nơi diễn ra các hoạt động đối nội, đối ngoại quan trọng nhất của đất nước.

Trải qua các thời kỳ biến đổi của lịch sử và 4 lần điều chỉnh địa giới (năm 1961, 1978, 1991, 2008), năm 2017 Hà Nội có diện tích 3.358,6 km<sup>2</sup>, dân số là 7,42 triệu người, mật độ trung bình là 2. 209 người/km<sup>2</sup>, Hà Nội được tổ chức thành 30 quận, huyện với 584 phường, xã, thị trấn (tính đến 31/12/2017).

Từ Hà Nội đi các thành phố, thị xã của Bắc Bộ cũng như của cả nước rất dễ dàng bằng cả đường bộ, sắt, thủy, hàng không. Hà Nội có 02 sân bay dân dụng (sân bay Gia Lâm, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài), là đầu mối giao thông của 05 tuyến đường sắt (05 tuyến hướng trung tâm: Hà Nội - Hồ Chí Minh, Hà Nội - Lạng Sơn, Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Thái Nguyên), 07 tuyến quốc lộ đi qua trung tâm (các tuyến QL số 5, 18: Hà Nội - Hải Phòng, Quảng Ninh; tuyến 1A: Hà Nội - Lạng Sơn và đi phía Nam; tuyến QL 6: Hà Nội - Tây Bắc; tuyến QL 32: Hà Nội - Sơn Tây; tuyến QL 3: Hà Nội - Thái Nguyên; tuyến QL 2: Hà Nội - Việt Trì). Đó chính là những yếu tố gắn bó chặt chẽ Hà Nội với các trung tâm trong



cả nước và tạo điều kiện thuận lợi để Hà Nội phát triển mạnh giao lưu buôn bán với nước ngoài, tiếp nhận kịp thời các thông tin, thành tựu khoa học và kỹ thuật của thế giới; tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế, khu vực và cùng hội nhập vào quá trình phát triển năng động của khu vực Đông Á - Thái Bình Dương.

Trong Vùng Thủ đô, Hà Nội được khẳng định là thành phố trung tâm của vùng với mô hình chùm đô thị có hệ thống đa trung tâm hiện đại, đầu mối giao thông chính, trung tâm nghiên cứu, dịch vụ tài chính, thương mại, văn hóa, du lịch và dịch vụ hạ tầng xã hội mang tầm khu vực Đông Nam Á.

### **Bản đồ 2.1: Bản đồ thành phố Hà Nội**



*Nguồn: Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội*

Hà Nội là nơi tập trung các cơ quan hành chính cao nhất của cả nước, là trung tâm hàng đầu về khoa học - công nghệ, đào tạo, y tế, văn hóa. Tại Hà Nội còn có các cơ quan ngoại giao, các văn phòng đại diện của các tổ chức quốc tế.

Hà Nội đã và sẽ giữ vai trò trung tâm phát triển lớn nhất ở Bắc Bộ, là thị

trường lớn của vùng và cả nước. Đồng thời Hà Nội nằm trong vùng nhiều quần thể di tích lịch sử và cảnh quan du lịch hấp dẫn: Hạ Long, Đồ Sơn, Côn Sơn - Kiếp Bạc, Đền Hùng, Tam Đảo, hệ thống hang động tự nhiên rất đẹp ở Ninh Bình, Hà Nam... có thể làm điểm đầu mối của nhiều tuyến du lịch hấp dẫn ở miền Bắc.

## **2.2. Thực trạng quản lý nhà nước đối với quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH thành phố Hà Nội**

### **2.2.1. Chủ thể quản lý**

Chủ thể quản lý: là các cá nhân, tổ chức có một quyền lực nhất định buộc các đối tượng quản lý phải tuân thủ các quy định do mình đề ra để đạt được những mục tiêu đã định trước.

Đối với QLNN về QH tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội, chủ thể QL được quy định như sau:

Hiến pháp năm 2013 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: Quốc hội làm luật và sửa đổi luật; nhập, chia, điều chỉnh địa giới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Hiện nay, Quốc hội đã ban hành Luật Quy hoạch; Luật Thủ đô và sáp nhập địa giới tỉnh Hà Tây với thành phố Hà Nội năm 2008.

Điều 34 Luật Quy hoạch quy định: Đối với quy hoạch Thủ đô, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sau khi có ý kiến của Quốc Hội.

Theo Điều 11 Nghị định 92/2006/NĐ-CP, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm trước Chính phủ và thực hiện sự phân công của Chính phủ về công tác này. Chính phủ phân công, phân cấp quản lý và trách nhiệm về thực hiện công tác quy hoạch cho các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác quy hoạch trên địa bàn tỉnh, thành phố do mình quản lý.

Theo Điều 55 và Điều 56 Luật Quy hoạch, Chính phủ thống nhất QLNN về QH. Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện QH tỉnh. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ

thực hiện QLNN về QH và có nhiệm vụ hướng dẫn UBND cấp tỉnh trong việc lập, tổ chức thực hiện QH. UBND cấp tỉnh, trong phạm vi, quyền hạn của mình, thực hiện QLNN về quy hoạch tại địa phương.

Theo Khoản 1, Điều 82 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quy định, trong lĩnh vực kinh tế, UBND tỉnh xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, phát triển đô thị và nông thôn trong phạm vi quản lý; xây dựng kế hoạch dài hạn và hàng năm về phát triển kinh tế - xã hội trình Hội đồng nhân dân thông qua để trình Chính phủ phê duyệt.

Theo đó, chủ thể quản lý đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội là Nhà nước( Các cơ quan hữu trách) như:

- Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo; giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn UBND thành phố Hà Nội trong việc tổ chức lập và thực hiện QH;
- Hội đồng nhân dân, UBND thành phố Hà Nội;
- Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội là người chịu trách nhiệm QLNN cao nhất ở thành phố Hà Nội.

Theo Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 37/2008/QĐ-UBND ngày 17/10/2008 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội có chức năng tham mưu giúp UBND thành phố Hà Nội quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư, bao gồm các lĩnh vực: tham mưu tổng hợp về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức thực hiện và đề xuất về cơ chế, chính sách quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố; đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương; đăng ký kinh doanh; tổng hợp và thống nhất quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế tư nhân; quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); quản lý đấu thầu; các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Sở và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của UBND thành phố Hà Nội và theo quy định của pháp luật.

Và theo Khoản 2 Điều 1 Quyết định này, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội có

nhệm vụ Chủ trì nghiên cứu, tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố, tổng hợp kế hoạch dài hạn, kế hoạch 5 năm và hàng năm, bố trí kế hoạch vốn đầu tư thuộc ngân sách địa phương, trình UBND thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi đã được phê duyệt;

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2001-2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 60/2002/QĐ-TTg ngày 13/5/2002. Qua quá trình thực hiện quy hoạch, thành phố đã đạt được một số thành tựu nhất định trong phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đầu tư phát triển các ngành sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển nguồn nhân lực và khoa học - công nghệ. Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì vẫn còn tồn tại một số hạn chế, yếu kém: Chất lượng tăng trưởng chưa cao; Hệ thống hạ tầng kỹ thuật còn nhiều bất cập so với yêu cầu phát triển, môi trường bị ô nhiễm, công tác QH và quản lý đô thị còn hạn chế; Cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu. Đứng trước yêu cầu đó, bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều biến động, đòi hỏi phải có phương án QH mới để đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố.

Thực hiện Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12 ngày 29/5/2008 của Quốc hội, từ ngày 01/8/2008 địa giới hành chính của Thủ đô Hà Nội được mở rộng trên cơ sở hợp nhất thành phố Hà Nội với tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh của tỉnh Vĩnh Phúc và 04 xã của huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình. Trước yêu cầu mở rộng về quy mô diện tích, dân số và các bối cảnh phát triển mới của đất nước như nước ta đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đang xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, việc triển khai xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 là cần thiết.

UBND thành phố Hà Nội ban hành Chương trình số 04/CTr-UBND ngày 05/01/2009, Thành ủy Hà Nội ban hành Chương trình 05-CTR/TU ngày 11/01/2009, trong đó có nhiệm vụ lập Dự án lập QH tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Ngày 23/3/2009, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 1322/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục lập các dự án QH năm 2009, trong đó có dự án lập QH tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Ngày 21/5/2009, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 2396/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ dự án lập QH tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14/9/2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh Vùng ĐBSH đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, trong đó thành phố Hà Nội là trung tâm của Vùng ĐBSH; Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 05/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 1878/QĐ-TTg ngày 22/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

Mục đích của quy hoạch là nghiên cứu, đề xuất phương án và nhiệm vụ phát triển, tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội một cách có căn cứ khoa học nhằm phát huy lợi thế so sánh của thủ đô; xác định các chức năng của thủ đô đối với vùng và cả nước; xây dựng thủ đô xứng đáng là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học, kinh tế và giao dịch quốc tế; một thủ đô văn minh, hiện đại của cả nước trong thời kỳ tới. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội được UBND thành phố Hà Nội giao nhiệm vụ lập Dự án lập QH tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

**Bảng 2.1. Tình hình thực hiện một số quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH thành phố Hà Nội của các cơ quan quản lý nhà nước**

TT	Cơ quan QL nhà nước	Một số quyền hạn, trách nhiệm QL	Thực tế thực hiện
1	Quốc hội	Ban hành Luật	- Ban hành Luật số 25/2012/QH13: Luật Thủ đô ; - Ban hành số 21/2017/QH14: Luật Quy hoạch hiệu lực thi hành từ 01/01/2019;
2	Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch;	Thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch;
		Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý;	Ban hành Nghị định 92/2006/NĐ-CP; Nghị định 04/2008/NĐ-CP; Nghị định 99/2006/NĐ-CP về công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; Chỉ thị 2178/CT-TTg về việc tăng cường công tác QH; Quyết định số 1615/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả QLNN đối với công tác QH
		Xem xét, phê duyệt quy hoạch TT phát triển KT-XH các vùng, các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương, các ngành, lĩnh vực;	Phê duyệt QH tổng thể phát triển KTXH vùng ĐBSH, vùng KTTĐ Bắc Bộ, QH tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội và một số ngành, lĩnh vực;
		Phân cấp quản lý cho các Bộ, ngành, địa phương.	Chính phủ thống nhất QLNN về QH; Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện QLNN về QH; các Bộ ngành Trung ương có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với công tác quy hoạch tổng thể các ngành, lĩnh vực và phối kết hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện quản lý nhà nước theo sự phân công của Chính phủ; UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm QLNN về công tác QH trên địa bàn tỉnh, thành phố so mình quản lý.
		Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn theo dõi, kiểm tra việc thi hành VBQPPL	Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn theo dõi, kiểm tra việc thi hành VBQPPL về

TT	Cơ quan QL nhà nước	Một số quyền hạn, trách nhiệm QL	Thực tế thực hiện
3	Bộ Kế hoạch và đầu tư	về quy hoạch TT phát triển kinh tế-xã hội;	quy hoạch TT phát triển kinh tế-xã hội;
		Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo sự phân công của Chính phủ về Quy hoạch;	Ban hành Thông tư số 01/2007/TT-BKH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP; Quyết định số 281/QĐ-BKH về việc ban hành định mức chi phí lập, thẩm định QH và điều chỉnh QH tổng thể phát triển KTXH, QH ngành và QH sản phẩm chủ yếu; Thông tư số 03/2008/TT-BKH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 04/2008/NĐ-CP và Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH; Thông tư số 01/2012/TT-BKH về việc hướng dẫn xác định định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố QH tổng thể phát triển KTXH; QH phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu; Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT về việc hướng dẫn tổ chức, lập, thẩm định, phê chuẩn, điều chỉnh và công bố QH tổng thể phát triển KTXH, QH ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;
		Tổ chức thẩm định các QH tổng thể phát triển KTXH tỉnh, thành phố trực thuộc từng ương;	Tổ chức thẩm định các QH tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội;
5	UBND thành phố Hà Nội	Xây dựng chiến lược phát triển KTXH thủ đô Hà Nội	Xây dựng chiến lược phát triển KTXH thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
		Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chiến lược phát triển KTXH thành phố Hà Nội	Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển KTXH thành phố Hà Nội
		Xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội	Xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
		Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển KTXH thành phố Hà Nội	Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến

TT	Cơ quan QL nhà nước	Một số quyền hạn, trách nhiệm QL	Thực tế thực hiện
			năm 2020, định hướng đến năm 2030
		Tổ chức thực hiện quy hoạch thành phố Hà Nội	Đôn đốc các sở ngành và các quận, huyện lập QH tổng thể phát triển KTXH các quận huyện và lập QH phát triển các ngành trên địa bàn thành phố Hà Nội;
		Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện quy hoạch	Ban hành Quyết định số 5606/QĐ-UBND ngày 01/12/2011 ban hành danh mục các quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố; Quyết định số 6176/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 và Quyết định số 3532/QĐ-UBND ngày 19/7/2012 điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố; ban hành Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 14/3/2011 giao nhiệm vụ thẩm định các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thị xã, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, quy hoạch sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố;
		Phê duyệt QH các ngành, QH tổng thể phát triển KTXH các huyện thị	Phê duyệt QH các ngành, QH tổng thể phát triển KTXH các huyện thị trên địa bàn thành phố Hà Nội
		Bố trí kinh phí tổ chức thẩm định phê duyệt các quy hoạch	Bố trí kinh phí tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thị xã, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, quy hoạch sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố;
		Kiểm tra thực hiện QH	Sau khi Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, Quy tổng thể phát triển kinh tế - xã hội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, UBND Thành phố xây dựng và ban hành Kế hoạch phát triển



TT	Cơ quan QL nhà nước	Một số quyền hạn, trách nhiệm QL	Thực tế thực hiện
			KTXH 5 năm và hàng năm; hàng năm báo cáo kết quả về UBND thành phố Hà Nội
		Phối hợp lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng liên quan;	Phối hợp lập QH tổng thể phát triển KTXH vùng ĐBSH, vùng KTTĐ Bắc Bộ
		Công bố, thông báo bằng văn bản các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh, các quy hoạch cụ thể trên địa bàn tỉnh tới các huyện và các ngành.	Công bố, thông báo bằng văn bản các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội, các quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn thành phố Hà Nội tới các huyện và các ngành.

*Nguồn: Đề tài khoa học cấp Bộ năm 2014 “Đánh giá thực trạng quản lý phát triển vùng ở Việt Nam giai đoạn 2001-2010” của TS Cao Ngọc Lân – Trưởng ban Ban Phát triển Vùng – Viện Chiến lược phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư và xử lý của tác giả*

Dự án “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” được xây dựng theo quy định tại Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội. Qua thời gian triển khai thực hiện xây dựng Dự án, Báo cáo tổng hợp Quy hoạch nhận định rõ nét xu thế phát triển trong giai đoạn tiếp theo; xây dựng các mục tiêu, định hướng phát triển, các giải pháp cơ bản phù hợp với đặc điểm tình hình của thành phố. Ngày 06/7/2011 Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 1081/QĐ-TTg về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Sau khi dự án Quy hoạch được phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ nội dung Quy hoạch được phê duyệt chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp quận, huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trong Thành phố để bảo đảm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh

(Điều 3 Quyết định số 1081/QĐ-TTg).

### **2.2.2. Công cụ quản lý**

Chủ thể quản lý là các cơ quan nhà nước hữu quan, sử dụng nhiều công cụ khác nhau để quản lý quy hoạch phát triển KTXH thành phố Hà Nội, trong đó có:

- Ban hành các văn bản QPPL như
- + Hiến pháp năm 1992, 2001, 2013;
- + Các Luật như Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Thủ đô, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, văn bản thể hiện tính pháp lý cao nhất đối với công tác quy hoạch là Luật Quy hoạch được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2017.

- + Nghị quyết của Quốc hội: Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12 ngày 29/5/2008, từ ngày 01/8/2008 địa giới hành chính của Thủ đô Hà Nội được mở rộng trên cơ sở hợp nhất thành phố Hà Nội với tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh của tỉnh Vĩnh Phúc và 04 xã của huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình.

- + Các Nghị định của Chính phủ;
- + Các quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ;
- Các quyết định phê duyệt Chiến lược, quy hoạch phát triển như:
- + Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH vùng ĐBSH đến năm 2020;
- + Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH vùng KTTĐ Bắc Bộ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- + Chiến lược phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- + Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- + Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH các quận, huyện và quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Bảng 2.2: Tập hợp một số văn bản quy phạm pháp luật  
về quản lý quy hoạch giai đoạn 2006 đến nay  
đối với thành phố Hà Nội**

TT	Tên văn bản	Hiệu lực		Ghi chú
		Còn hiệu lực	Hết hiệu lực	
1	Luật Quy hoạch			Có hiệu lực từ 01/01/2019
2	Luật Thủ đô	v		
3	Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12 ngày 29/5/2008, về việc điều chỉnh địa giới hành chính Hà Nội và một số tỉnh có liên quan;	v		
4	Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Quy hoạch	v		
5	Luật sửa đổi, bổ sung một số Luật tương ứng với Luật Quy hoạch			Có hiệu lực từ ngày 01/01/2019
6	Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển KTXH	v		
7	Nghị định 99/2006/NĐ-CP ngày 15/9/2006 của Chính phủ về công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch	v		
8	Thông tư số 01/2007/TT-BKH ngày 07/02/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển KTXH	v		
9	Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức chi phí lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển KTXH, quy hoạch ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu	v		
10	Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển KTXH.	v		
11	Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung	v		

TT	Tên văn bản	Hiệu lực		Ghi chú
		Còn hiệu lực	Hết hiệu lực	
	một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về Lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội và Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Về việc ban hành định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển KTXH, quy hoạch ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu.			
12	Chỉ thị 2178/CT-TTg ngày 02/12/2010 về việc tăng cường công tác quy hoạch	v		
13	Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xác định định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu	v		
14	Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê chuẩn, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu	v		
15	Quyết định số 1615/QĐ-TTg ngày 10/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý Nhà nước đối với công tác quy hoạch		v	
16	Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội	v		
17	Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển KTXH Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	v		
18	Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	v		
19	Quy hoạch phát triển công nghiệp Thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	v		
20	Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại Thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	v		
21	Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề Thành phố	v		

TT	Tên văn bản	Hiệu lực		Ghi chú
		Còn hiệu lực	Hết hiệu lực	
	Hà Nội đến 2020, định hướng đến năm 2030			
22	Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	v		
23	Quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	v		
24	Quy hoạch phát triển điện lực Thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015, có xét đến 2020	v		
25	Quy hoạch phát triển nông nghiệp TP Hà Nội đến năm 2020, định hướng 2030.	v		
26	Quy hoạch phòng chống lũ chi tiết của từng tuyến sông có đề trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020.	v		
27	Quy hoạch phát triển thủy lợi thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	v		
28	Quy hoạch phát triển thủy sản Thành phố Hà Nội đến 2020, định hướng đến 2030	v		
29	Quy hoạch cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Thành phố Hà Nội. đến năm 2020 định hướng đến năm 2030.	v		
30	Quy hoạch phát triển chăn nuôi thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng 2030	v		
31	Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hà Nội, giai đoạn 2012-2020	v		
32	Quy hoạch phát triển sản xuất lúa thành phố Hà Nội theo hướng bền vững giai đoạn đến năm 2020	v		
33	Quy hoạch đề điều trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	v		
34	Quy hoạch hệ thống cơ sở giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố Hà Nội	v		
35	Quy hoạch phát triển nông nghiệp TP Hà Nội đến năm 2020, định hướng 2030.	v		
36	Quy hoạch phòng chống lũ chi tiết của từng tuyến sông có đề trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020.	v		
37	Quy hoạch phát triển văn hóa Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	v		
38	Quy hoạch phát triển thể thao thành phố Hà Nội đến năm 2020 định hướng đến năm 2030	v		
39	Quy hoạch phát triển du lịch Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	v		
40	Quy hoạch mạng lưới trường học thành phố Hà Nội	v		

TT	Tên văn bản	Hiệu lực		Ghi chú
		Còn hiệu lực	Hết hiệu lực	
	đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030			
41	Quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	v		
42	Quy hoạch phát triển nhân lực Thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2020	v		
43	Quy hoạch phát triển hệ thống y tế Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	v		
44	Quy hoạch phát triển mạng lưới Trường Cao đẳng nghề, Trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề Thành phố Hà Nội đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	v		
45	Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	v		
46	Quy hoạch phát triển Công nghệ thông tin thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	v		
47	Quy hoạch phát triển bưu chính viễn thông TPHN đến 2020, định hướng đến 2030	v		
	QHCT Trung tâm Truyền hình - Đài phát thanh và Truyền hình Hà Nội tỷ lệ 1/500	v		
48	Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	v		
48	Quy hoạch phát triển giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, định hướng 2050	v		
50	Quy hoạch chi tiết đường sắt khu vực đầu mối thành phố Hà Nội	v		
51	Quy hoạch mạng lưới các cơ sở làm việc thuộc Công an thành phố Hà Nội (Giai đoạn đến năm 2020)	v		
52	Quy hoạch tổng thể hệ thống cơ sở của lực lượng cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ của Thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến 2030	v		
53	Quy hoạch hệ thống nghĩa trang thành phố Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	v		
54	QH cấp nước Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	v		
55	QH thoát nước Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	v		
56	QH hệ thống công viên, vườn hoa, cây xanh Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	v		

TT	Tên văn bản	Hiệu lực		Ghi chú
		Còn hiệu lực	Hết hiệu lực	
57	QH xử lý chất thải rắn Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	v		
58	Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	v		
59	Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm - thành phố Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.	v		
60	Quy hoạch xây dựng hệ thống trụ sở các cơ quan tư pháp thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	v		
61	Quy hoạch bảo tồn Đa dạng sinh học thành phố Hà Nội đến năm 2030"	v		
62	Quy hoạch mạng lưới quan trắc chất lượng không khí cố định trên địa bàn TP Hà Nội đến năm 2020	v		
63	Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn Hà Nội đến năm 2020	v		
64	Quy hoạch sử dụng cát, sỏi xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2015, định hướng 2020	v		
65	Quy hoạch mạng lưới quan trắc Tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2020	v		
66	Quy hoạch ngành Văn thư lưu trữ thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	v		

Nguồn: TS Hoàng Ngọc Phong (2016), *Thế chế kinh tế vùng ở Việt Nam, hiện trạng và giải pháp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội và xử lý của tác giả.

Trên cơ sở Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, Quy tổng thể phát triển kinh tế - xã hội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 5606/QĐ-UBND ngày 01/12/2011 ban hành danh mục các quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố; Quyết định số 6176/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 và Quyết định số 3532/QĐ-UBND ngày 19/7/2012 điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố. Đây là cơ sở để các cấp, các ngành, các địa phương triển khai đề xuất, trình duyệt các nhiệm vụ quy hoạch giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn. Ngoài ra, UBND Thành phố cũng đã ban hành Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 14/3/2011 giao nhiệm vụ thẩm định các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thị xã, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, quy

hoạch sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố (trừ quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng), trong đó: giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư là Chủ tịch Hội đồng thẩm định, thay mặt UBND Thành phố tổ chức hội nghị thẩm định đối với các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, một số quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn để trình Thành phố xem xét, phê duyệt theo quy định.

### **2.2.3. Đối tượng quản lý**

Đối tượng quản lý bao gồm các khâu: lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và triển khai thực hiện quy hoạch theo quy định tại Nghị định 92/2006/NĐ-CP và Nghị định 04/2008/NĐ-CP.

- Lập quy hoạch gồm: Xác định tiềm năng, lợi thế, điểm mạnh, điểm yếu...; Đưa ra quan điểm, mục tiêu, phương hướng phát triển, chú trọng tổ chức không gian đô thị, công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp và giao thông... và sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường; Giải pháp thực hiện, dự án đầu tư;

- Thẩm định, phê duyệt quy hoạch gồm: Thành lập Hội đồng thẩm định, báo cáo thẩm định quy hoạch và tổ chức phê duyệt quy hoạch.

- Công bố quy hoạch: Sau khi báo cáo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức công bố quy hoạch.

- Tổ chức thực hiện quy hoạch: Thành lập ban điều hành, là công tác điều hành thực hiện hoạt động cụ thể; Lập kế hoạch hành động thực hiện quy hoạch, có người chịu trách nhiệm cụ thể, xúc tiến đầu tư với các dự án cụ thể; Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch.

#### ***a. Khâu lập quy hoạch***

Cơ quan chủ trì lập quy hoạch được quy định thống nhất và rõ ràng trong các văn bản pháp quy hiện hành. Trong đó phân quyền cho các ngành và địa phương chịu trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch các lãnh thổ và các ngành theo chức năng quản lý được Chính phủ phân công.

Căn cứ Khoản 2, Điều 82 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ: Xây dựng quy hoạch tổng thể phát



triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, phát triển đô thị và nông thôn trong phạm vi quản lý; xây dựng kế hoạch dài hạn và hàng năm về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trình Hội đồng nhân dân thông qua để trình Chính phủ phê duyệt; UBND thành phố Hà Nội có nhiệm vụ xây dựng Đề án “Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

Căn cứ Điểm a, Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 37/2008/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ngày 17/10/2008 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội có nhiệm vụ Dự thảo quyết định, chỉ thị, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư theo quy định của Nhà nước, của thành phố và phân cấp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội được UBND thành phố Hà Nội giao chủ trì xây dựng Đề án “Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

Dự án “Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” cơ bản đã thể hiện nội dung đúng hướng dẫn theo quy định tại Nghị định 92/2006/NĐ-CP và Nghị định 04/2008/NĐ-CP.

**Bảng 2.3. Đối chiếu nội dung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Nghị định 92/2006/NĐ-CP và Nghị định 04/2008/NĐ-CP với Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

STT	Nội dung QH vùng theo Nghị định 92/2006/NĐ-CP và 04/2008/NĐ-CP	Thực tế thực hiện	Đánh giá
1	Phân tích, đánh giá và dự báo khả năng huy động các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội vào mục tiêu phát triển của tỉnh trong vùng và cả nước;	Phân tích, đánh giá và dự báo khả năng huy động các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội vào mục tiêu phát triển của thành phố Hà Nội trong vùng ĐBSH, vùng KTTĐ Bắc Bộ và cả nước;	Đáp ứng yêu cầu
	Phân tích, dự báo ảnh hưởng của các yếu tố trong nước và quốc tế	Phân tích, dự báo ảnh hưởng của các yếu tố trong nước và quốc tế	

STT	Nội dung QH vùng theo Nghị định 92/2006/NĐ-CP và 04/2008/NĐ-CP	Thực tế thực hiện	Đánh giá
	<p>đến phát triển KTXH của tỉnh; tác động của quy hoạch tổng thể phát triển KTXH của cả nước, của vùng đến phát triển KTXH của tỉnh;</p>	<p>đến phát triển KTXH thành phố Hà Nội; tác động của quy hoạch tổng thể phát triển KTXH của cả nước, của vùng ĐBSH, vùng KTTĐBắc Bộ đến phát triển KTXH thành phố Hà Nội;</p>	
	<p>Đánh giá về lợi thế so sánh, hạn chế và cơ hội cùng các thách thức đối với phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.</p>	<p>Đánh giá về lợi thế so sánh, hạn chế và cơ hội cùng các thách thức đối với phát triển của thành phố Hà Nội trong thời kỳ quy hoạch.</p>	
2	<p>Luận chứng mục tiêu, quan điểm và phương hướng phát triển KTXH phù hợp với chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển KTXH của cả nước, của vùng.</p>	<p>Luận chứng mục tiêu, quan điểm và phương hướng phát triển KTXH phù hợp với chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển KTXH của cả nước, của vùng.</p>	Đáp ứng yêu cầu
3	<p>Luận chứng phát triển cơ cấu kinh tế, luận chứng các phương án phát triển; xác định hướng phát triển ngành, lĩnh vực then chốt và sản phẩm chủ lực, trong đó xác định chức năng, nhiệm vụ và vai trò đối với tỉnh và vùng của các trung tâm đô thị và tiểu vùng trọng điểm;</p>	<p>Luận chứng phát triển cơ cấu kinh tế, luận chứng các phương án phát triển; xác định hướng phát triển ngành, lĩnh vực then chốt và sản phẩm chủ lực, trong đó xác định chức năng, nhiệm vụ và vai trò đối với thành phố Hà Nội trong vùng ĐBSH, vùng KTTĐ Bắc Bộ của các trung tâm đô thị và tiểu vùng trọng điểm;</p>	Đáp ứng yêu cầu
	<p>Lựa chọn phát triển cơ cấu kinh tế, luận chứng và lựa chọn phương án phát triển; phương hướng phát triển và phân bố các ngành, các sản phẩm chủ yếu và lựa chọn cơ cấu đầu tư;</p>	<p>Lựa chọn phát triển cơ cấu kinh tế, luận chứng và lựa chọn phương án phát triển; phương hướng phát triển và phân bố các ngành, các sản phẩm chủ yếu và lựa chọn cơ cấu đầu tư;</p>	
	<p>Luận chứng phát triển nguồn nhân lực và các giải pháp phát triển và đào tạo nguồn nhân lực</p>	<p>Luận chứng phát triển nguồn nhân lực và các giải pháp phát triển và đào tạo nguồn nhân lực</p>	
4	<p>Luận chứng phương án tổng hợp về tổ chức kinh tế, xã hội trên lãnh thổ tỉnh.</p>	<p>Luận chứng phương án tổng hợp về tổ chức kinh tế, xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội</p>	Đáp ứng yêu cầu

<b>STT</b>	<b>Nội dung QH vùng theo Nghị định 92/2006/NĐ-CP và 04/2008/NĐ-CP</b>	<b>Thực tế thực hiện</b>	<b>Đánh giá</b>
5	Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng đảm bảo yêu cầu trước mắt và lâu dài các hoạt động kinh tế, xã hội của tỉnh và gắn với các tỉnh khác trong vùng và cả nước.	Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng đảm bảo yêu cầu trước mắt và lâu dài các hoạt động kinh tế, xã hội của thành phố Hà Nội gắn với các tỉnh khác trong vùng ĐBSH, vùng KTTĐ Bắc Bộ và cả nước.	Đáp ứng yêu cầu
6	Định hướng quy hoạch sử dụng đất	Định hướng quy hoạch sử dụng đất	Đáp ứng yêu cầu
7	Luận chứng danh mục dự án ưu tiên đầu tư	Luận chứng danh mục dự án ưu tiên đầu tư	Đáp ứng yêu cầu
8	Luận chứng bảo vệ môi trường xác định những lãnh thổ đang bị ô nhiễm trầm trọng, những lãnh thổ nhạy cảm về môi trường và đề xuất giải pháp thích ứng để bảo vệ hoặc sử dụng các lãnh thổ	Luận chứng bảo vệ môi trường xác định những lãnh thổ đang bị ô nhiễm trầm trọng, những lãnh thổ nhạy cảm về môi trường và đề xuất giải pháp thích ứng để bảo vệ hoặc sử dụng các lãnh thổ	Đáp ứng yêu cầu
9	Xác định các giải pháp về cơ chế, chính sách nhằm thực hiện mục tiêu quy hoạch; đề xuất các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm có tính toán cân đối nguồn vốn để bảo đảm thực hiện và luận chứng các bước thực hiện quy hoạch, đề xuất phương án tổ chức thực hiện quy hoạch.	Các giải pháp về cơ chế, chính sách nhằm thực hiện mục tiêu quy hoạch; đề xuất các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm có tính toán cân đối nguồn vốn để bảo đảm thực hiện và luận chứng các bước thực hiện quy hoạch, đề xuất phương án tổ chức thực hiện quy hoạch.	Đáp ứng yêu cầu
10	Thể hiện phương án quy hoạch tổng thể phát triển KTXH tỉnh trên bản đồ quy hoạch tỷ lệ 1/250.000	Hệ thống bản đồ quy hoạch tỷ lệ 1/250.000	Đáp ứng yêu cầu

*Nguồn: Nghị định 92/2006/NĐ-CP, Nghị định 04/2008/NĐ-CP và báo cáo tổng hợp Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và xử lý của tác giả*

*b. Khâu thẩm định, phê duyệt quy hoạch*

Công tác thẩm định được quy định tại Nghị định 92/2006/NĐ-CP và Nghị định 04/2008/NĐ-CP. Sau khi báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể phát triển

KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được chỉnh sửa và hoàn thiện theo ý kiến của các Sở ngành của thành phố; các chuyên gia; các Bộ ngành, các địa phương lân cận, ngày 24/3/2010, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 1337/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng thẩm định Dự án “Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”. Ngày 28/5/2010, Hội đồng thẩm định đã ban hành Thông báo Kết luận của Hội đồng thẩm định Dự án “Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

**Bảng 2.4. Đối chiếu nội dung thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển KTXH tỉnh theo Nghị định 92/2006/NĐ-CP và Nghị định 04/2008/NĐ-CP với Kết quả thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội**

<b>TT</b>	<b>Nội dung thẩm định QH vùng theo Nghị định 92/2006/NĐ-CP và 04/2008/NĐ-CP</b>	<b>Thực tế thực hiện</b>	<b>Đánh giá</b>
1	Cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học, độ tin cậy của các thông tin, số liệu, tư liệu sử dụng để lập quy hoạch và nội dung quy hoạch tổng thể phát triển KTXH	Báo cáo quy hoạch đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý, khoa học. Các thông tin, số liệu, tư liệu sử dụng để lập quy hoạch được lấy từ các báo cáo của các địa phương trên địa bàn thành phố, Niên giám thống kê của thành phố và cả nước, nội dung quy hoạch tổng thể phát triển KTXH đảm bảo đúng quy định.	Đáp ứng yêu cầu
2	Sự phù hợp của quy hoạch với chiến lược phát triển KTXH	Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội, vùng đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ;	Đáp ứng yêu cầu
3	Các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của quy hoạch và phương án bố trí hợp lý các nguồn lực	Mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và định hướng chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực cũng như các phương án bố trí các nguồn lực được nêu khá đầy đủ và đảm bảo tính khả thi	Đáp ứng yêu cầu
4	Tính thống nhất của các quy hoạch tổng thể phát triển KTXH và các quy hoạch khác liên quan	Báo cáo Quy hoạch thành phố Hà Nội đảm bảo thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực; xây dựng và phát triển	

TT	Nội dung thẩm định QH vùng theo Nghị định 92/2006/NĐ-CP và 04/2008/NĐ-CP	Thực tế thực hiện	Đánh giá
		Thủ đô Hà Nội thành động lực thúc đẩy phát triển đất nước.	Đáp ứng yêu cầu
5	Các giải pháp thực hiện quy hoạch, tính khả thi của quy hoạch và các biện pháp quản lý thực hiện quy hoạch	Xây dựng các mục tiêu định hướng phát triển, các giải pháp thực hiện cơ bản phù hợp với đặc điểm tình hình của thành phố.	Đáp ứng yêu cầu

*Nguồn: Nghị định 92/2006/NĐ-CP, Nghị định 04/2008/NĐ-CP và Kết quả thẩm định Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và xử lý của tác giả*

*c. Khâu công bố quy hoạch*

Để tạo điều kiện giúp cho các tổ chức, doanh nghiệp và các cá nhân liên quan sớm được tiếp cận với các thông tin, góp phần làm cải thiện môi trường đầu tư, đảm bảo tính công khai, minh bạch, thu hút đầu tư và triển khai các dự án trọng điểm cũng như để mọi công dân Thủ đô biết đến dự án quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, sau khi Thủ tướng Chính phủ ký quyết định phê duyệt, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố Hà Nội theo chức năng, nhiệm vụ đã thực hiện công bố quy hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng bằng nhiều hình thức khác nhau: in sao tài liệu, đăng tải trên cổng thông tin điện tử, mạng Internet...

*d. Khâu tổ chức thực hiện quy hoạch*

Trên cơ sở Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, Quy tổng thể phát triển kinh tế - xã hội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, UBND Thành phố xây dựng và ban hành Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm và hàng năm; ban hành Quyết định số 5606/QĐ-UBND ngày 01/12/2011 ban hành danh mục các quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố; Quyết định số 6176/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 và Quyết định số 3532/QĐ-UBND ngày 19/7/2012 điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố. Đây là cơ sở để các cấp, các ngành, các địa phương triển khai đề xuất, trình duyệt các nhiệm vụ quy hoạch giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn. Ngoài ra, UBND

Thành phố cũng đã ban hành Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 14/3/2011 giao nhiệm vụ thẩm định các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thị xã, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, quy hoạch sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố (trừ quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng), trong đó: giao Sở KH&ĐT là cơ quan thường trực, Giám đốc Sở KH&ĐT là Chủ tịch Hội đồng thẩm định, thay mặt UBND Thành phố tổ chức hội nghị thẩm định đối với các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, một số quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn để trình Thành phố xem xét, phê duyệt theo quy định.

*Một số kết quả đạt được:*

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội: 20 quy hoạch.
- Quy hoạch ngành, lĩnh vực: 76 quy hoạch.

*(Chi tiết danh mục các dự án quy hoạch đã được phê duyệt tại Phụ lục kèm theo)*

*e. Kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch*

Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy hoạch được UBND Thành phố quan tâm tập trung. Hàng năm, UBND Thành phố ban hành kế hoạch kiểm tra công tác quy hoạch theo Nghị định số 99/2006/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch và báo cáo UBND Thành phố, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo yêu cầu.

Tuy nhiên, trên thực tế, công tác quy hoạch đã được lồng ghép trong các báo cáo kinh tế - xã hội; các Kế hoạch 5 năm và hàng năm của các cấp, các ngành, các địa phương. Do đó, việc kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, giám sát được triển khai thực hiện thông qua việc kiểm tra, giám sát các kế hoạch 5 năm và hàng năm.

Ngoài ra, việc kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện quy hoạch được UBND Thành phố giao các ngành, địa phương thực hiện ngay trong Quyết định phê duyệt các quy hoạch.

## **2.3. Đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu quy hoạch**

### *2.3.1. Về kinh tế*

\* Giai đoạn 2008-2010

Tổng quy mô GRDP của Hà Nội năm 2010 đạt 245.749 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của Hà Nội giai đoạn 2008-2010 là 10,6%.

Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch. Năm 2010, Nông nghiệp chiếm 4,0%; Công nghiệp – xây dựng chiếm 29,0%; Dịch vụ chiếm 56,8%).

GRDP bình quân đầu người thành phố Hà Nội năm 2010 đạt 37,1 triệu đồng. Tổng trị giá xuất khẩu trên địa bàn bình quân đầu người đạt 1.225,3 USD.

#### \* Giai đoạn 2011-2015

Trong giai đoạn 2011-2015, thành phố Hà Nội đã thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách lớn về phát triển kinh tế của Trung ương nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo an sinh xã hội, đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế; nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Kết quả cho thấy, kinh tế Thủ đô tiếp tục phát triển, đạt mức tăng trưởng khá. Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân 5 năm 2011-2015 ước tăng 9,23%, gấp 1,58 lần mức tăng bình quân chung của cả nước. Quy mô GRDP năm 2015 theo giá hiện hành ước đạt khoảng 27,6 tỷ USD, bình quân thu nhập đầu người khoảng 3.600 USD, tăng gấp 1,8 lần so với năm 2010. Các ngành kinh tế được phục hồi và tiếp tục tăng trưởng, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực: tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 3,4%, công nghiệp - xây dựng chiếm 29,6% và nông nghiệp là 57,2%; các nhóm ngành đều có mức tăng trưởng khá:

- Ngành dịch vụ tiếp tục có mức tăng trưởng cao, tốc độ tăng bình quân 5 năm 9,97%; kim ngạch xuất khẩu tăng 8,1%; nhập khẩu tăng 3,7%. Các ngành dịch vụ chất lượng cao, trình độ cao có mức tăng trưởng cao hơn so với toàn ngành. Du lịch phát triển mạnh, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung.

- Ngành công nghiệp - xây dựng được phục hồi, tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá, bình quân 5 năm ước tăng 9%. Bước đầu hình thành một số khu công nghệ cao hoạt động hiệu quả; công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin phát triển mạnh; các khu, cụm công nghiệp đóng góp quan trọng vào phát triển chung của ngành, công nghiệp hỗ trợ được đẩy mạnh. Các làng nghề, phố nghề truyền thống từng bước được củng cố, xây dựng thương hiệu sản phẩm.

- Ngành nông nghiệp đạt kết quả tích cực, tốc độ tăng bình quân 2,4%/năm, cao hơn so với chỉ tiêu đặt ra, giá trị sản xuất ước đạt 231 triệu đồng/ha đất canh tác, tăng 1,24 lần so với năm 2010. Cơ cấu nội ngành nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng trồng trọt, tăng tỷ trọng chăn nuôi, chế biến và dịch vụ nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, nâng cao năng suất, bảo đảm hiệu quả, bền vững. Hình thành và mở rộng một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung có giá trị kinh tế cao; đã có nhiều cánh đồng mẫu lớn sản xuất lúa, hoa, cây ăn quả chất lượng cao, giá trị sản xuất lớn, đạt từ 1 - 2 tỷ đồng/ha.

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa, tập trung cho đầu tư phát triển. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 5 năm đạt trên 1 triệu 400 ngàn tỷ đồng, tăng gấp gần 2 lần giai đoạn 2006-2010. Đầu tư trực tiếp nước ngoài thu hút được 1.080 dự án, với tổng số vốn đăng ký gần 3 tỷ USD.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 5 năm 2011-2015, đạt 714,5 ngàn tỷ đồng, tỷ lệ tăng bình quân khoảng 7,1%/năm. Chi ngân sách địa phương gần 273 ngàn tỷ đồng, tỷ lệ tăng bình quân 7,7%/năm, bảo đảm cân đối chi thường xuyên và ưu tiên tập trung cho đầu tư phát triển. Trong đó, chi đầu tư phát triển bằng 45,04%, chi thường xuyên bằng 52,38% tổng chi ngân sách.

\* Giai đoạn 2016 đến nay

Năm 2017, kinh tế của Thủ đô tiếp tục tăng trưởng khá, hoàn thành kế hoạch đề ra, đạt 8,5%, trong sáu tháng đầu năm 2018, tăng trưởng kinh tế đạt 7,08%, mức cao nhất trong cùng kỳ kể từ năm 2011. Tổng sản phẩm trên địa bàn ước tăng 8,5% (cách tính mới tăng 7,3%). Chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 7%. Thị trường ổn định, chỉ số giá tiêu dùng bình quân ước tăng 3,05-3,11%.

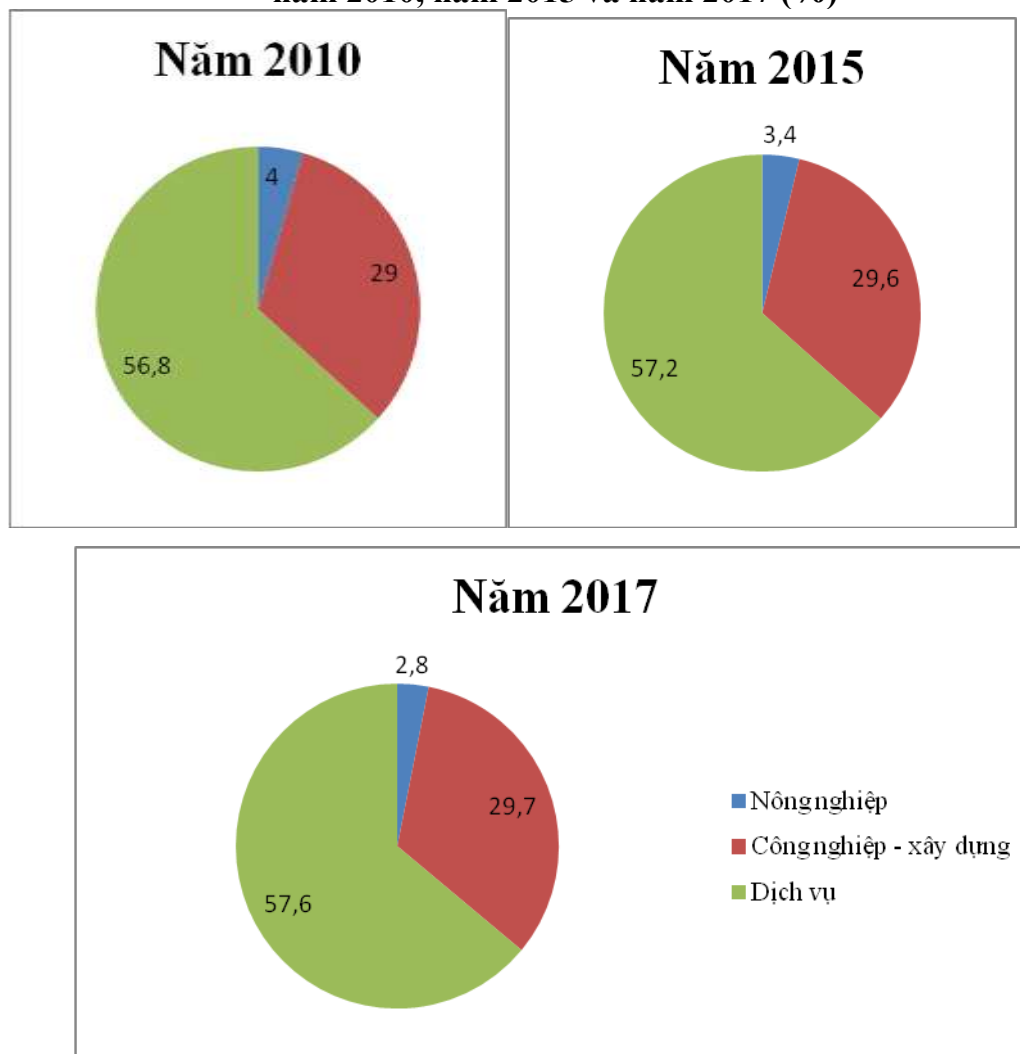
Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của Thủ đô năm 2017 nhìn chung phù hợp, theo hướng tăng tỷ trọng ngành dịch vụ (từ 57,28% năm 2016 lên 57,63% năm 2017) và ngành công nghiệp xây dựng (từ 29,69% năm 2016 lên 29,7% năm 2017); giảm tỷ trọng nông nghiệp (từ 3,22% năm 2016 xuống 2,84% năm 2017).



Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán ra và doanh thu dịch vụ ước tăng 10,3%; tín dụng ngân hàng phát triển tốt, đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa và vốn cho sản xuất. Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn ước đạt 11,54 tỷ USD, tăng 8%. Khách du lịch ước đạt 23,83 triệu lượt người, tăng 9%. Trong đó, khách quốc tế 4,95 triệu lượt, tăng 23%.

Bên cạnh đó, thu ngân sách trên địa bàn thành phố năm 2017 đã vượt kế hoạch. Tổng thu ngân sách Nhà nước ước đạt 207,628 nghìn tỷ đồng, bằng 101,4% dự toán, tăng 15,7% so thực hiện năm 2016. Chi ngân sách địa phương ước thực hiện 75,205 nghìn tỷ đồng.

**Biểu đồ 2.1: Cơ cấu GRDP thành phố Hà Nội năm 2010, năm 2015 và năm 2017 (%)**



*Nguồn: Niên giám thống kê thành phố Hà Nội Năm 2017*

### 2.3.2. Về xã hội

Chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục được nâng lên, 100% giáo viên đứng lớp có trình độ đạt chuẩn theo quy định. Công tác tuyển sinh vào các lớp đầu cấp được phân tuyến hợp lý hơn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn kinh phí đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo được tăng cường; 50% trường đạt chuẩn quốc gia; hoàn thành xóa phòng học tạm và phòng học nhà cấp 4; 100% quận, huyện đã đạt chuẩn phổ cập mầm non 5 tuổi (vượt trước 2 năm so với toàn quốc), phổ cập THCS đạt 99,36%, phổ cập THPT đạt 90%. Công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được mở rộng.

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân có nhiều tiến bộ. Đã thực hiện các giải pháp đồng bộ, tích cực để từng bước khắc phục tình trạng quá tải của các bệnh viện. Tăng cường đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho các bệnh viện, nhất là bệnh viện tuyến huyện. Giai đoạn 2011 - 2015, Thành phố đã đầu tư trên 3.068 tỷ đồng từ ngân sách để cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho 49 dự án của 37 bệnh viện trên địa bàn. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên; đã thực hiện thành công một số kỹ thuật mới. Hệ thống y tế cơ sở và mạng lưới y tế dự phòng được củng cố, tăng cường cả về đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất và trang thiết bị. Chất lượng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được tiến hành thường xuyên, không để xảy ra ngộ độc lớn trên địa bàn.

Công tác dân số, gia đình được chú trọng, bảo đảm ổn định mức tăng dân số tự nhiên và từng bước nâng cao chất lượng dân số. Việc chăm sóc sức khỏe, bảo trợ, nuôi dưỡng trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm đáng kể, còn dưới 10%. Thực hiện tốt các chương trình hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ, bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình.

Thể dục, thể thao (TDTT) Thủ đô tiếp tục phát triển, khẳng định vị trí dẫn đầu cả nước, là đơn vị chủ lực của thể thao thành tích cao Việt Nam tại các đấu trường khu vực và quốc tế. Cơ sở vật chất đầu tư cho hoạt động TDTT được tăng

cường. Phong trào TDTT quần chúng phát triển mạnh. Việc giáo dục thể chất cho thế hệ trẻ ngày càng được quan tâm. Công tác xã hội hóa lĩnh vực TDTT được thực hiện có hiệu quả.

Các chương trình, đề án, kế hoạch về giải quyết việc làm, dạy nghề cho lao động, nhất là lao động nông thôn, phát triển thị trường lao động được thực hiện có hiệu quả. Bình quân mỗi năm đào tạo nghề, truyền nghề cho trên 15 vạn lao động và giải quyết việc làm cho 14 vạn lượt lao động; tỷ lệ thất nghiệp còn dưới 4,8%. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tự nguyện trong nhân dân tiếp tục mở rộng và phát triển.

Giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội. Nhiều chương trình, chính sách giảm nghèo, hỗ trợ người tàn tật, người có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt, v.v... được triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả, góp phần ổn định đời sống vật chất, tinh thần của các đối tượng trên. Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2015 giảm xuống còn 1,71%.

Công tác đấu tranh phòng, chống và đẩy lùi các tệ nạn xã hội được thực hiện quyết liệt. Mô hình xã, phường, địa bàn dân cư, cơ quan, trường học không có tệ nạn xã hội được nhân rộng. Chất lượng quản lý, giáo dục, chữa trị tại các trung tâm chữa bệnh và giáo dục lao động xã hội của Thành phố được nâng cao.

Chất lượng cuộc sống của nhân dân Thủ đô, đặc biệt là khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc ít người được cải thiện. Việc hỗ trợ các đối tượng chính sách xã hội và thực hiện chính sách đối với người có công, chính sách dân tộc được triển khai thực hiện có hiệu quả. Phong trào “đền ơn, đáp nghĩa” được đẩy mạnh, huy động được nhiều tổ chức, cá nhân tham gia.

Văn hóa tiếp tục phát triển, một số mặt chuyển biến tích cực; thực hiện tốt các chủ trương về nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa ở cơ sở; đời sống văn hóa, tinh thần của các tầng lớp nhân dân Thủ đô được cải thiện rõ rệt. Hệ thống các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư, hoàn thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển văn hóa của cộng đồng và bảo tồn bản sắc văn hoá các dân tộc. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường.

Việc bảo tồn, tôn tạo, nghiên cứu, giới thiệu, quảng bá, phát huy giá trị di sản văn hóa được tiến hành đồng bộ và có chuyển biến tích cực. Hoạt động văn học,

nghệ thuật, giao lưu văn hóa trong nước, khu vực và quốc tế tiếp tục mở rộng, phục vụ tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị và đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Thủ đô.

Hoạt động báo chí, xuất bản, truyền thông tiếp tục phát triển và đạt kết quả tích cực, góp phần phát huy dân chủ, định hướng dư luận xã hội, thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh của Thành phố. Quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông, dịch vụ Internet từng bước đi vào nề nếp.

### *2.3.3. Về môi trường*

Thành phố cũng rất tích cực triển khai và đưa vào vận hành một số dự án về xử lý chất thải rắn sinh hoạt với công nghệ tiên tiến; hoàn thành việc thử nghiệm xử lý ô nhiễm một số hồ nội thành Hà Nội và đang tiếp tục triển khai nhân rộng; tích cực triển khai Đề án “Quản lý bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai lưu vực sông Nhuệ” và xử lý ô nhiễm môi trường sông Tô Lịch. Đồng thời, đưa vào vận hành các Nhà máy xử lý nước thải như: Hồ Bảy Mẫu công suất 13.300m<sup>3</sup>/ngày đêm; Nhà máy xử lý nước thải Hồ Tây công suất 15.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và hiện nay đang nâng công suất lên thành 86.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; Nhà máy xử lý nước thải làng nghề xã Dương Liễu công suất 20.000 m<sup>3</sup>/ ngày đêm. Cùng với đó, thành phố đẩy mạnh công tác thu gom, xử lý bao bì thuốc trừ dịch hại, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, chất thải nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, hóa chất bảo vệ thực vật nhập lậu, hết hạn sử dụng...

Việc bố trí kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường được thành phố thường xuyên quan tâm. Hằng năm, thành phố ưu tiên bố trí cao hơn mức quy định 1% tổng chi ngân sách cho nhiệm vụ này, cụ thể: năm 2015 còn số này là 2.226 tỷ đồng. Ngoài ra, các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã đã chủ động cân đối, bố trí chi cho công tác quản lý và các hoạt động bảo vệ môi trường, góp phần đảm bảo cho công tác bảo vệ môi trường được triển khai thuận lợi...

Với sự chỉ đạo quyết liệt và hưởng ứng tích cực của nhân dân, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Điều này thể hiện ở chỗ, đến nay, 10/10 khu công nghiệp đã xây dựng và vận hành hệ thống xử

lý nước thải tập trung; 26/43 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung, trong đó, 13 trạm đã đi vào hoạt động, các cụm còn lại đang tiếp tục thực hiện đầu tư. Đối với hoạt động thu gom chất thải rắn, trung bình, trên địa bàn thành phố phát sinh 6.500 tấn/ngày, trong đó, khu vực nội thành hơn 4.200 tấn/ ngày, tỷ lệ thu gom, xử lý đạt 98%; còn khu vực ngoại thành, tỷ lệ thu gom rác thải đạt 90%. Thành phố cũng đã tiến hành điều tra, khảo sát tại 12 làng nghề gồm 8 làng nghề ô nhiễm môi trường cần phải xử lý ô nhiễm. Trên cơ sở đó, đã lựa chọn làng nghề cơ kim khí Rùa Hạ, xã Thanh Thùy và làng nghề cơ kim khí Rùa Thượng, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai để thí điểm đầu tư hệ thống xử lý nước thải làng nghề có công suất dự kiến 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm với công nghệ hóa lý kết hợp sinh hóa được xây kín có khử mùi đạt tiêu chuẩn cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp...

Thực hiện Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Giai đoạn 2011-2015, với sự nỗ lực của các cấp ngành, thành phần kinh tế và nhân dân tham gia phát triển sản xuất, kinh tế thành phố Hà Nội tiếp tục phát triển và đạt mức tăng trưởng khá, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân 5 năm 2011-2015 ước tăng 9,23%, gấp 1,58 lần mức tăng bình quân chung của cả nước. Quy mô GRDP năm 2015 theo giá hiện hành ước đạt khoảng 27,6 tỷ USD, bình quân thu nhập đầu người khoảng 3.600 USD, tăng gấp 1,8 lần so với năm 2010. Các ngành kinh tế được phục hồi và tiếp tục tăng trưởng, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực: tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 54%, công nghiệp - xây dựng chiếm 41,5% và nông nghiệp là 4,5%; các nhóm ngành đều có mức tăng trưởng khá. Các lĩnh vực xã hội và môi trường cũng được thành phố chú trọng quan tâm và cũng đạt được những kết quả nhất định.

**Bảng 2.5. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu quy hoạch  
giai đoạn 2011-2015**

Chỉ tiêu	Giai đoạn 2011-2015		
	Mục tiêu	Thực hiện	Đánh giá
1. Về kinh tế			
- Tốc độ tăng trưởng (%)	12-13	9,23	Không đạt
- GRDP bình quân đầu người năm 2015 và 2020 (USD)	4.100-4.300	3.660	Không đạt
- Tỷ trọng DV, CN-XD, NN đến năm 2015 (%)	54-55; 41-42; 3-4	54- 41,5-4,5	Không đạt
- Tốc độ tăng giá trị XK bình quân (%/năm)	14-15	6,94	Không đạt
2. Về xã hội			
- Dân số đến năm 2015 (triệu người)	7,2-7,3	7,4	Vượt mục tiêu
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 (%)	> 55	53, 14	Không đạt
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi năm 2015 (%)	< 11	<10	Vượt
- Tỷ lệ hộ nghèo (%)	<2	0,96	Vượt
- Tỷ lệ đô thị hóa năm 2015 (%)	46-47	>47	Đạt
3. Về môi trường			
- Tỷ lệ rác thải được thu gom và xử lý (%)	100	100	Đạt

*Nguồn: Báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội năm 2015*

\* Kết quả 10 năm mở rộng địa giới hành chính thành phố Hà Nội

Sau 10 năm mở rộng địa giới hành chính, diện mạo Thủ đô bước đầu có nhiều thay đổi mạnh mẽ, Thành phố đã đạt được những kết quả đáng tự hào, góp phần quan trọng vào thành tựu chung của đất nước; thành quả bước đầu đã đổi thay toàn diện, sâu sắc, dần có tính bền vững trên các lĩnh vực.

- Kinh tế Thủ đô tiếp tục tăng trưởng nhanh, đạt trung bình 7,41%/năm, là một trong 2 đầu tàu kinh tế của cả nước. Quy mô GRDP năm 2017 gấp 1,9 lần so với năm 2008. Thu nhập bình quân đầu người tăng lên, năm 2017 đạt 3.910 USD/người, gấp 2,3 lần so với năm 2008.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: tỷ trọng các ngành dịch vụ, công nghiệp - xây dựng tăng, tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm; các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng lớn, dịch vụ trình độ cao, chất lượng cao tiếp tục được phát triển.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch được đầu tư phát triển mạnh mẽ. Lượng khách du lịch tăng trưởng 12%/năm. Khách quốc tế từ 1,3 triệu lượt năm 2008 tăng lên 4.95 triệu lượt năm 2017 (tăng gần 4 lần).

- Tổng đầu tư xã hội giai đoạn 2008 - 2017 đạt 2,03 triệu tỷ đồng. Năm 2017, tổng vốn đầu tư xã hội gấp 2,85 lần so với năm 2008, tăng trung bình hàng năm 15,2%.

- Không gian kinh tế được mở rộng phát triển; Môi trường đầu tư, kinh doanh từng bước được cải thiện;

- Hệ thống y tế phát triển đồng bộ; Giáo dục và đào tạo được chú trọng đầu tư, chất lượng được giữ vững;

- Chính sách an sinh xã hội được đặc biệt quan tâm; Tiếp tục đẩy mạnh việc phát triển đồng bộ hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật với phát triển nhà ở; Hạ tầng đô thị, cây xanh cảnh quan, môi trường được cải thiện rõ rệt. Diện mạo Thủ đô có nhiều thay đổi, quản lý trật tự văn minh đô thị có chuyển biến.

Những thành tựu đó có ý nghĩa vô cùng quan trọng, góp phần làm cho các tầng lớp nhân dân Thủ đô thêm phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo đúng đắn của Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ, vào sự tổ chức, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, các ngành của Thành phố, tạo thế và lực mới, xây dựng và phát triển Hà Nội xứng đáng là trái tim, là đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế tạo nên sự đồng thuận trong xã hội, trong quá trình tổ chức triển khai nhiệm vụ trong những năm tới.

## **2.4. Đánh giá mặt được, chưa được và nguyên nhân**

### **2.4.1. Đánh giá chung mặt được, chưa được**

#### *a. Mặt được*

- Đối với chủ thể quản lý

Trong giai đoạn 2008 đến nay, về chủ thể quản lý đã đạt được một số kết quả tích cực, trong đó một số mặt nổi trội chính như sau:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn; sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012, Quy hoạch tổng

thể phát triển kinh tế- xã hội TPHN đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 06/7/2011; UBND Thành phố đã ban hành các Chương trình, Kế hoạch cụ thể để chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã triển khai thực hiện công tác quản lý quy hoạch.

Nhìn chung dự án quy hoạch đã được các Sở, ban ngành và các quận, huyện, thị xã quán triệt, triển khai thống nhất và theo đúng các nội dung, nhiệm vụ đã được phê duyệt. Các đơn vị đã kết hợp, lồng ghép việc thực hiện quy hoạch với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và quản lý đô thị trên địa bàn. Các Sở, ban, ngành theo chức năng nhiệm vụ được giao đã chủ động triển khai các nội dung quy hoạch và tăng cường công tác quản lý nhà nước theo quy hoạch. Các nội dung phát triển của các ngành, lĩnh vực trong quy hoạch được phê duyệt đã được cụ thể hóa trong các Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của các ngành, lĩnh vực, các địa phương. Các chủ đầu tư tuân thủ theo các định hướng, chính sách của nhà nước trong việc đầu tư xây dựng các dự án trên địa bàn Thành phố theo đúng quy hoạch. Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố, các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã đã nghiêm túc thực hiện tốt các quy định về quản lý quy hoạch, nhất là trong việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch.

- Đối với công cụ quản lý

Các văn bản QPPL về QH được ban hành kịp thời, công khai, minh bạch, ngày càng được hoàn thiện giúp cho các đối tượng quản lý và toàn xã hội dễ dàng tiếp cận, sử dụng, áp dụng vào thực tế, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Đối với thành phố Hà Nội, sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội TPHN đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 06/7/2011, UBND Thành phố đã ban hành các Chương trình, Kế hoạch cụ thể để chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã triển khai thực hiện công tác quản lý quy hoạch. Luật Quy hoạch ra đời, đánh dấu sự hoàn thiện về công cụ quản lý trong công tác QLNN về quy hoạch. Việc áp dụng hệ thống các văn bản nói trên



đã tạo thuận lợi cho công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch, khắc phục bước đầu sự chông chéo, hạn chế sự lãng phí trong thực hiện các quy hoạch; đồng thời nâng cao được vai trò và trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc quản lý quy hoạch. Các dự án quy hoạch bước đầu phát huy những hiệu quả tích cực, làm cơ sở trong việc xây dựng các Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của Thành phố.

- Đối với đối tượng quản lý

Xét trên giác độ các khâu của công tác quy hoạch: Công tác nghiên cứu hướng dẫn nội dung, phương pháp lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch phát triển KTXH thành phố Hà Nội tuân thủ theo các quy định quản lý Nhà nước và đã đạt được một số kết quả nhất định.

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch được thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật: Nghị định số 92/2006/NĐ-CP của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP; Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu, đã cơ bản được đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Việc lập và quản lý chi phí, áp dụng định mức, đơn giá cho công tác quy hoạch thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu.

Công tác quy hoạch trên địa bàn Thành phố được chú trọng triển khai thực hiện, công tác quản lý, giám sát cũng có sự đổi mới đáng kể, nhất là sau khi có Quyết định số 1615/QĐ-TTg ngày 17/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê

duyệt Đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quy hoạch và Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu.

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch, khắc phục bước đầu sự chồng chéo, hạn chế sự lãng phí trong thực hiện các quy hoạch; đồng thời nâng cao được vai trò và trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc quản lý quy hoạch. Các dự án quy hoạch bước đầu phát huy những hiệu quả tích cực, làm cơ sở trong việc xây dựng các Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của Thành phố và các ngành, các cấp cũng như góp phần định hướng các nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành trong quá trình xây dựng các chương trình, dự án trọng điểm về kêu gọi và thu hút, huy động đầu tư.

Công tác tổ chức lập, thẩm định phê duyệt ở Thành phố đã tuân thủ theo các quy trình, thủ tục trong quá trình thực hiện, đảm bảo chất lượng theo các quy định hiện hành. Do vậy, các quy hoạch được duyệt ngày càng có tính khả thi cao và thống nhất do triển khai đúng quy trình, đúng định hướng phát triển của Thành phố theo các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt.

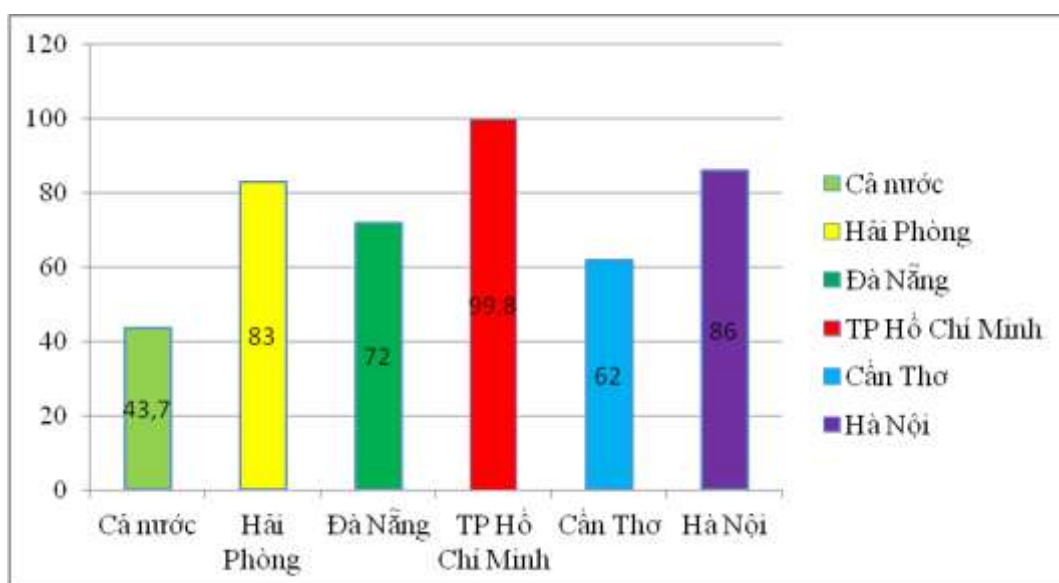
Thành phố Hà Nội đã tập trung quan tâm chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác quy hoạch, góp phần xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng 5 năm và hàng năm. Quá trình xây dựng dự án quy hoạch đã quán triệt, đảm bảo tuân thủ các định hướng phát triển, mục tiêu lớn đã được đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/2/2012 và Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011. Các quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội cấp huyện, các quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố đã được triển

khai xây dựng thống nhất, đồng bộ về thời gian và quy trình, thủ tục; được thẩm định, phê duyệt và công bố theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Qua quá trình tổ chức xây dựng và phê duyệt quy hoạch, các cấp chính quyền cùng các sở, ban, ngành Thành phố nâng cao nhận thức về vai trò và trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội.

Các dự án quy hoạch được phê duyệt, công bố đúng trình tự, thủ tục, bước đầu phát huy hiệu quả, làm cơ sở quan trọng trong việc định hướng xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, các quận, huyện và kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực cũng như xác định các chương trình, dự án trọng điểm đầu tư và thu hút đầu tư trên địa bàn.

Dự án quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố, bàn giao theo quy định là cơ sở cung cấp định hướng phát triển kinh tế- xã hội, đô thị trên địa bàn, đồng thời là cơ sở để cung cấp thông tin, chứng chỉ quy hoạch, triển khai các dự án đầu tư xây dựng công trình, tuyến đường, cấp phép xây dựng, từng bước chỉnh trang, xây dựng diện mạo kiến trúc đô thị, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trên toàn Thành phố.

**Biểu đồ 2.2: GRDP bình quân đầu người của Thủ đô Hà Nội  
và một số thành phố trực thuộc trung ương năm 2017  
(triệu đồng/người)**



*Nguồn: Niên giám thống kê cả nước, 5 thành phố năm 2017 và xử lý của tác giả*

Thành phố nhận được sự quan tâm đặc biệt của Trung ương, các tỉnh thành trong cả nước, cùng với sự quyết tâm của Đảng Bộ và nhân dân thành phố Hà Nội trong việc thực hiện quy hoạch, Thành phố Hà Nội đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần không nhỏ vào sự phát triển chung của đất nước. GRDP bình quân đầu người của thành phố Hà Nội đứng thứ 2 sau thành phố Hồ Chí Minh và cao hơn mức trung bình của cả nước và những đóng góp của thành phố Hà Nội ngày càng thể hiện tầm quan trọng, xứng đáng là Thủ đô của quốc gia.

*b. Mặt chưa được*

Trong quá trình vận dụng các văn bản quy phạm pháp luật, một số sở, ban, ngành và địa phương còn có những cách hiểu khác nhau đối với việc đề xuất lập các quy hoạch ngành, lĩnh vực (ví dụ: trong quy hoạch ngành thương mại đã bao gồm nội dung bán buôn, bán lẻ những vẫn đề xuất quy hoạch bán buôn, bán lẻ; trong quy hoạch phát triển văn hóa đã có nội dung các thiết chế văn hóa nhưng vẫn đề xuất các quy hoạch về rạp hát, rạp chiếu bóng, quy hoạch hệ thống tượng đài...). Một số sở, ngành vận dụng các hướng dẫn từ các Thông tư của Bộ, ngành chủ quản để làm căn cứ tổ chức xây dựng các quy hoạch ngành, lĩnh vực, gây nên tình trạng quy hoạch chồng chéo, chồng lấn, gây khó khăn cho công tác quản lý quy hoạch.

Kinh phí lập quy hoạch hiện được sử dụng từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế (Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14/03/2008 của Bộ Tài chính) do vậy việc lựa chọn tư vấn quy hoạch cần phù hợp với nguồn chi sự nghiệp kinh tế. Định mức chi phí lập, thẩm định quy hoạch và công bố quy hoạch theo Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định đơn giá, định mức lập quy hoạch chưa sát với thực tế, gây khó khăn cho việc tổ chức lập quy hoạch. Một số quy hoạch ngành, lĩnh vực vận dụng các hướng dẫn của các Bộ, ngành chủ quản để tính toán chi phí (ví dụ: quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển điện lực...) nên khó khăn cho công tác thanh, quyết toán.

Về thời gian lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch: Theo Luật tổ chức Chính quyền địa phương, các quy hoạch tổng thể kinh tế-xã hội, quy hoạch ngành trước

khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải được sự thông qua của HĐND cùng cấp trong khi thời gian họp HĐND trung bình 1 năm là 2 kỳ. Do đó, việc thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thường bị ảnh hưởng về tiến độ.

Công tác quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch còn chưa được phân công, phân cấp trách nhiệm rõ ràng, nhất là đối với cấp huyện. Việc xây dựng các dự án quy hoạch chưa coi trọng đến việc tính toán các chỉ tiêu dự báo, tính liên kết giữa các địa bàn, chưa tính toán được phương án phân bổ phát triển theo không gian lãnh thổ nhằm nâng cao hiệu quả huy động và cân đối sử dụng các nguồn lực đầu tư. Các quy hoạch xã nông thôn mới được duyệt trước khi Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô và các quy hoạch phân khu, quy hoạch chung xây dựng huyện được duyệt, do vậy nhiều nội dung cần rà soát điều chỉnh để khớp nối đồng bộ với các quy hoạch cấp trên.

Việc lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan trong quá trình lập, thẩm định quy hoạch còn chưa có hướng dẫn cụ thể về quy trình, nội dung, trách nhiệm và thời hạn trả lời. Thời gian lấy ý kiến của các quy hoạch ngành cấp địa phương đối với các Bộ, ngành thường kéo dài. Một số quy hoạch trước khi thẩm định, phê duyệt phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt (thủ tục và quy trình thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án quy hoạch tuân thủ theo các pháp luật về môi trường) nên thường bị kéo dài về thời gian. Sự phối hợp các sở, ngành, các địa phương trong việc lấy ý kiến góp ý đối với dự án quy hoạch đôi lúc còn chậm, thiếu sự phối hợp, mang tính hình thức.

Quy trình thực hiện không theo quy định. Theo quy định, Chiến lược phát triển KTXH phải lập trước rồi mới đến quy hoạch tổng thể phát triển KTXH, sau đó mới đến quy hoạch chung. Nhưng trên thực tế, quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 lại được lập trước (Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011), sau đó mới lập Chiến lược phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định

số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012).

#### ***2.4.2. Nguyên nhân của những mặt được, chưa được***

##### ***a. Nguyên nhân của những mặt được***

Thực hiện triển khai Nghị quyết số 15 của Quốc hội, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô, đã xác định quyết tâm thực hiện Nghị quyết với phương châm, “Đoàn kết - Hợp tác - Trách nhiệm” và tinh thần, tất cả vì công việc chung, vì sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô. Theo sự chỉ đạo của Trung ương, lãnh đạo cấp ủy hai Đảng bộ Hà Nội và Hà Tây đã nhanh chóng tiến hành các nội dung công việc để tiến hành hợp nhất tổ chức, bộ máy, sắp xếp bố trí cán bộ trong toàn bộ hệ thống chính trị, đảm bảo vận hành thông suốt ngay từ đầu và không làm gián đoạn hoạt động của đời sống xã hội, của nhân dân, của doanh nghiệp.

Hợp nhất nguyên trạng tổ chức bộ máy của cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội sau khi sáp nhập được xác định là việc làm cấp bách. Trong một thời gian rất ngắn, bộ máy của tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương đã đi vào vận hành, đảm bảo mọi công việc được diễn ra suôn sẻ, khai thác tối đa, phát huy mọi nguồn lực, trí tuệ, tiềm năng cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô.

Thành phố luôn nhận được sự quan tâm, ủng hộ đặc biệt của Trung ương và các tỉnh, thành trong cả nước. Thành phố cũng đã thực hiện nghiêm túc, vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, nhất là đã khai thác hiệu quả những chính sách chiến lược, các văn bản chỉ đạo, tạo cơ sở pháp lý cho một đơn vị hành chính đặc thù - đô thị đặc biệt, tạo cơ chế phù hợp đối với yêu cầu về xây dựng, phát triển Thủ đô được Trung ương ban hành.

Thành phố đã chủ động, khẩn trương thông qua Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm và hàng năm, nhằm cụ thể hóa Chiến lược và quy hoạch phát triển KTXH thành phố Hà Nội; vận dụng linh hoạt những cơ chế đặc thù mà Luật Thủ đô đã xác lập cho Thành phố, để giải quyết những vấn đề mang tính thời sự, những khó khăn, bức xúc đang đặt ra hằng ngày, hằng giờ đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền Thành phố.

Có được kết quả như trên thể hiện sự quan tâm, sự tích cực, chủ động của các đơn vị, các sở ngành của UBND thành phố Hà Nội trong việc thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội theo quyết định đã được phê duyệt và thể hiện sự quan tâm sát sao của đội ngũ làm công tác quản lý quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội.

*b. Nguyên nhân của những mặt chưa được*

*\* Nguyên nhân khách quan:*

- Hệ thống văn bản pháp lý về công tác quy hoạch còn nhiều bất cập, vướng mắc, chồng chéo. Các quy hoạch tổng thể, quy hoạch ngành, lĩnh vực chủ yếu chịu chi phối và điều tiết của Nghị định số 92/20016/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP về công tác lập, thẩm định, quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch sản phẩm chủ yếu và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tuy nhiên, đối với hệ thống các quy hoạch đất đai, quy hoạch xây dựng thì lại chịu sự chi phối và điều tiết của các pháp luật về đất đai, xây dựng khá chi tiết và cụ thể. Ngoài ra một số ngành, lĩnh vực lại có hướng dẫn riêng đối với các quy hoạch ngành (ví dụ quy hoạch thương mại, quy hoạch điện lực, quy hoạch viễn thông thụ động....) nên việc tổ chức lập, thẩm định và quản lý thống nhất về quy hoạch gặp khó khăn.

- Hệ thống quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh, thành phố nói chung, thành phố Hà Nội nói riêng thường được tiến hành triển khai lập, thẩm định, phê duyệt đồng loạt trong thời gian ngắn (thông thường trong khoảng 2 năm đầu nhiệm kỳ) nên việc huy động các nguồn lực (tài chính, cán bộ, thời gian...) trong việc tổ chức xây dựng quy hoạch, thẩm định, quản lý quy hoạch gặp nhiều khó khăn. Việc khớp nối, thống nhất các nội dung giữa các quy hoạch còn hạn chế.

- Tại một thời điểm, do cùng một lúc triển khai đồng thời nhiều quy hoạch, các đơn vị tư vấn lập quy hoạch trên địa bàn còn thiếu, còn hạn chế về năng lực, chưa đáp ứng tiến độ, chất lượng.

*\* Nguyên nhân chủ quan:*

- Một số đơn vị được giao nhiệm vụ lập quy hoạch còn chưa chủ động, tích cực, thiếu sự phối hợp và nhất quán đối với việc cụ thể hóa các quy hoạch cấp trên.

- Năng lực và bộ máy quản lý quy hoạch ở một số ngành và một số cấp huyện còn thiếu và yếu; việc phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quy hoạch, nhất là quy hoạch xây dựng chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Sự phối kết hợp của các cấp, các ngành trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện một nội dung số công việc quản lý quy hoạch còn chưa hiệu quả.

## **Tiểu kết Chương 2**

Hà Nội là đô thị đặc biệt, là nơi tập trung các cơ quan hành chính cao nhất của cả nước, là trung tâm hàng đầu về khoa học - công nghệ, đào tạo, y tế, văn hóa. Tại Hà Nội còn có các cơ quan ngoại giao, các văn phòng đại diện của các tổ chức quốc tế. Vì vậy, QLNN về QH tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội là việc làm cần thiết. Ở Chương 2 của luận văn, tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng QLNN về QH tổng thể phát triển KTXH trên 3 góc độ: Chủ thể quản lý, công cụ quản lý và đối tượng quản lý và khái quát kết quả thực hiện so với mục tiêu quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra những mặt được, chưa được và chỉ ra nguyên nhân của những mặt được và hạn chế đó. Những lý do đó là tiền đề để tác giả đưa ra những định hướng hoàn thiện QLNN về QH tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội sẽ đề cập ở Chương 3.



### **CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN QLNN VỀ QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KTXH THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG GIAI ĐOẠN TỚI**

#### **3.1. Bối cảnh trong nước, quốc tế tác động đến quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH thành phố Hà Nội trong thời gian tới**

##### **3.1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực**

###### *a. Bối cảnh quốc tế*

Trong giai đoạn tới, hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế chủ đạo của thế giới. Nguy cơ chiến tranh thế giới khó có khả năng xảy ra nhưng các cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột về sắc tộc, tôn giáo, lãnh thổ, tranh giành tài nguyên, khủng bố có thể sẽ gia tăng.

Đồng thời các quốc gia phải đối phó và tích cực phối hợp hành động cùng nhau giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu như biến đổi khí hậu (tăng nhiệt độ, nước biển dâng, thiên tai...), đói nghèo, ô nhiễm môi trường, khan hiếm nước, các địa dịch và các thảm họa thiên tai khác.

Toàn cầu hóa tiếp tục phát triển về quy mô, mức độ; tự do hóa kinh tế và tài chính tiếp tục gia tăng, nhiều hình thức liên kết kinh tế mới xuất hiện. Khoa học và công nghệ ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Kinh tế tri thức phát triển mạnh và theo đó, chất lượng nguồn nhân lực đang trở thành lợi thế chủ yếu của mỗi quốc gia. Việc tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu đã trở thành yêu cầu đối với các nền kinh tế. Các tập đoàn và công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng lớn. Tương quan sức mạnh các nền kinh tế và cục diện phát triển toàn cầu thay đổi nhanh. Sự tùy thuộc lẫn nhau, hội nhập, cạnh tranh và hợp tác giữa các nước đang trở thành phổ biến với các mặt tích cực, tiêu cực, cơ hội và thách thức đan xen nhau rất phức tạp. Sau cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu, thế giới sẽ bước vào một giai đoạn phát triển mới. Quá trình tái cấu trúc các nền kinh tế và điều chỉnh các thể chế điều tiết kinh tế - tài chính toàn cầu sẽ diễn ra mạnh mẽ, gắn với những bước tiến mới về khoa học và công nghệ, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên; phát huy lợi thế cạnh tranh động và sự trỗi dậy của

chủ nghĩa bảo hộ... sẽ mở ra những cơ hội và thách thức mới cho sự phát triển. Sau cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu, thế giới sẽ bước vào giai đoạn phục hồi và lấy lại đà tăng trưởng.

Trong bối cảnh nêu trên, các quốc gia đều khẩn trương điều chỉnh chiến lược và chính sách phát triển của mình. Bối cảnh mới đặt ra cho nước ta nói chung, Thủ đô Hà Nội nói riêng nhiều thời cơ thuận lợi và khó khăn thách thức đều lớn và đan xen nhau rất phức tạp. Tận dụng tốt các thời cơ, thuận lợi, đối mặt và vượt qua các thách thức, khó khăn, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực, kết hợp tốt sức mạnh của dân tộc và sức mạnh thời đại, phấn đấu đạt được những bước phát triển mới, nhanh và bền vững để rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước.

Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ đem lại cho Hà Nội nhiều cơ hội phát triển kinh tế - xã hội nhanh hơn, toàn diện và hiệu quả cao. Những sự kiện lớn mang tính quốc tế và kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội diễn ra trên địa bàn là những cơ hội tốt để nâng cao vị thế của Thủ đô và quảng bá môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh.

Sau hơn 30 năm đổi mới, Hà Nội đã đạt được những thành tựu và tích lũy được nhiều kinh nghiệm; hệ thống cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư theo hướng hiện đại, cơ cấu kinh tế chuyên dịch theo hướng công nghiệp hóa, thị trường ngày càng phát triển đa dạng. Trên địa bàn tập trung đông đảo lực lượng lao động đã qua đào tạo, có chuyên môn kỹ thuật vào loại cao nhất trong cả nước. Đây là điều kiện thuận lợi cho Hà Nội chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, cơ chế chính sách thiếu đồng bộ, nhất là các cơ chế để phát huy vị thế đặc thù của Thủ đô cho phát triển và hội nhập, năng lực quản lý, điều hành của các cấp chính quyền thành phố còn những mặt hạn chế. Quy mô, trình độ lực lượng sản xuất còn thấp, đầu vào của sản xuất không ổn định; trình độ khoa học công nghệ, trình độ quản lý của doanh nghiệp chưa theo kịp yêu cầu phát triển và có nguy cơ tụt hậu, đặc biệt là hiện nay cả thế giới đang phát triển theo cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 càng đặt ra những thách thức lớn cho Thủ đô Hà Nội. Nhận thức và khả năng hội nhập kinh tế quốc tế còn hạn chế, các doanh nghiệp phải đối

phó với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt và các quy định khắt khe hơn của luật pháp và thông lệ quốc tế.

Hà Nội xác định chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh phát triển kinh tế với mức tăng trưởng cao và ổn định trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu kinh tế dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp bảo đảm chất lượng, hiệu quả, bền vững, phát triển hài hòa kinh tế - xã hội - môi trường. Xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm kinh tế có trình độ phát triển cao của vùng và cả nước, gắn với phát triển kinh tế tri thức, hoàn thành cơ bản mục tiêu công nghiệp hóa Thủ đô.

Ứng phó với biến đổi khí hậu, trong quy hoạch phát triển Hà Nội cần chú trọng việc nghiên cứu chỉnh trị sông Hồng, “làm sống lại” sông Đáy, nâng cấp hệ thống đê và các công trình thủy lợi; đầu tư thỏa đáng cho hệ thống thoát nước và các biện pháp phòng chống giảm nhẹ thiên tai.

*b. Bối cảnh khu vực*

- Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, ASEAN

Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục phát triển năng động và đang hình thành nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng hơn. Tuy vậy, vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định như: tranh chấp ảnh hưởng và quyền lực, lãnh thổ, biển đảo, tài nguyên.

Các nước ASEAN bước vào thời kỳ hợp tác mới, cùng nhau xây dựng Cộng đồng ASEAN dựa trên ba trụ cột: chính trị - an ninh; kinh tế; văn hóa - xã hội. Hợp tác ASEAN với các đối tác tiếp tục phát triển và đi vào chiều sâu. Các hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN với các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Australia... đã được ký kết và chuẩn bị đưa vào thực hiện.

- Hợp tác 2 hành lang kinh tế Việt Nam - Trung Quốc

Hợp tác Tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS) với các hành lang xuyên Á có xu thế phát triển từ hành lang giao thông thành các hành lang kinh tế. Trong đó qua Hà Nội có các hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội Hải Phòng và Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng. Thông qua việc hình thành các hành lang

kinh tế sẽ mở rộng hơn hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc trên cơ sở một mặt trận tận dụng những lợi thế so sánh đã có, mặt khác hình thành thêm các lợi thế so sánh mới, thúc đẩy nền kinh tế phát triển trên toàn tuyến hành lang.

Với sự hợp tác theo 2 hành lang kinh tế, các tuyến đường bộ cao tốc, đường sắt sẽ được xây dựng mới, nâng cấp; sự giao lưu, trao đổi về thương mại, đầu tư, du lịch... sẽ được mở rộng.

*c. Vai trò của các đô thị lớn ngày càng tăng trong thế giới hiện đại*

- Xu hướng đô thị quyết định sự phân chia trật tự kinh tế thế giới trong thế kỷ 21.

Trong thế kỷ 21 các đô thị lớn quyết định trật tự kinh tế của thế giới, số lượng đô thị lớn tăng lên rất nhanh và tập trung nhiều ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trong danh sách các thành phố khổng lồ có các thành phố như: Bắc Kinh, Thượng Hải, Thiên Tân, Seoul, Tokyo, Osaka, Jakarta, Manila, Bangkok.

Tiềm lực kinh tế chủ yếu tập trung ở các đô thị. Sự phát triển của các đô thị, đặc biệt là các ngành công nghiệp và dịch vụ đã thúc đẩy quá trình tăng trưởng kinh tế. Theo ước tính của Ngân Hàng thế giới (WB), 80% thành tựu tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển sẽ diễn ra tại các thành phố và các vùng đô thị lớn. Tại các đô thị lớn cũng là nơi có các công ty xuyên quốc gia đặt trụ sở, mà vai trò của các công ty xuyên quốc gia trong thế kỷ 21 ngày càng cao, khi mà doanh thu của một công ty cao hơn GDP của một nước đang phát triển trung bình.

Các Hiệp hội, diễn đàn đô thị được thành lập ở nhiều khu vực và trên phạm vi toàn cầu, có tiếng nói ngày càng quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế. Như hiện nay đã thành lập Diễn đàn các đô thị lớn Châu Á mà Hà Nội có tham gia.

- Các đô thị quyết định trình độ văn minh, trình độ phát triển của từng vùng

Các đô thị là nơi tiếp nhận văn minh của nhân loại, thực hiện các nghiên cứu khoa học, tiếp nhận chuyển giao công nghệ, trao đổi thông tin và tư vấn ở trình độ cao cũng như kinh nghiệm tổ chức và quản trị tiên tiến quyết định tăng trưởng kinh

tế của cả vùng. Đô thị giữ vai trò đi trước và kéo theo cả vùng phát triển.

- Đô thị là nơi tích lũy vốn, kỹ thuật, tài sản, cần sử dụng hiệu quả và phát huy các tiềm lực kinh tế của các đô thị

Không kể một số quốc gia, vùng lãnh thổ như Hồng Kông, Singapore là các đô thị, toàn bộ nền kinh tế tập trung trong khu vực đô thị; tại Thái Lan, Hàn Quốc, các vùng đô thị Băng Cốc, Seoul chiếm 1/4-1/3 tiềm lực kinh tế của cả nước. Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội chiếm hơn 1/3 tiềm lực kinh tế của Việt Nam.

### **3.1.2. Bối cảnh trong nước**

#### *a. Bối cảnh trong nước*

Những thành tựu to lớn của hơn 30 năm đổi mới đã làm cho sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên đáng kể. Nhờ đó nước ta có thể chủ động trong việc thực hiện các mục tiêu và định hướng phát triển; chủ động lựa chọn được những phương án tối ưu phù hợp với tình hình và điều kiện của đất nước. Sự ổn định về chính trị - xã hội của đất nước là cơ sở vững chắc cho sự phát triển. Tuy nhiên, những yếu kém của nền kinh tế chậm được khắc phục, nhiều vấn đề xã hội bức xúc chậm được giải quyết. Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá quyết liệt, tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định chính trị - xã hội. Mặt khác, thiên tai, dịch bệnh đang diễn biến phức tạp, tình trạng biến đổi khí hậu tác động ngày càng tiêu cực đến sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân và sự phát triển bền vững của đất nước.

Dự kiến tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân giai đoạn 2011-2020 khoảng 7,5-8%/năm. Đến năm 2020, GDP bình quân đầu người đạt trên 3.000 USD, cơ cấu kinh tế hiện đại, hiệu quả; tỷ trọng nông nghiệp dưới 15% trong GDP, tỷ lệ lao động nông nghiệp còn khoảng 30-32%, tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm trên 70% tổng lao động xã hội. Giá trị sản phẩm công nghệ cao đạt khoảng 45-50% trong tổng GDP.

Đến năm 2020, hầu hết dân cư thành thị và 85% dân cư ở nông thôn được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 80% các cơ

sở sản xuất kinh doanh hiện có đạt tiêu chuẩn về môi trường; hầu hết các đô thị loại 4 trở lên và tất cả các khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 95% chất thải rắn thông thường, 85% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

*b. Các hiệp định Thương mại tự do (FTA), TPP*

Thời gian qua, Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), ký kết 4 FTA với EU, Hàn Quốc, Liên minh kinh tế Á - Âu (EEC) và mới đây vào ngày 08/3/2018, lễ ký kết hiệp định CPTPP đã diễn ra ở thủ đô Santiago của Chile sẽ tạo thuận lợi cho việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm, giảm đói nghèo và nâng cao chất lượng sống của người dân các quốc gia thành viên. Đây cũng là những điều kiện thuận lợi giúp Hà Nội có cơ hội phát triển, thu hút đầu tư, xứng đáng là trung tâm chính trị, hành chính, văn hóa, giáo dục của cả nước.

*c. Bối cảnh trong vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) và vùng Kinh tế trọng điểm (KTTĐ) Bắc Bộ*

Trong giai đoạn tới, định hướng xây dựng vùng ĐBSH và vùng KTTĐ Bắc Bộ trở thành đầu tàu phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, lôi kéo các vùng khác cùng phát triển; đồng thời đi đầu trong lĩnh vực hợp tác quốc tế (cầu nối giữa khu vực ASEAN và khu vực Đông Bắc Á), thể hiện vai trò to lớn đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Hình thành được một số sản phẩm chủ lực, mang thương hiệu Việt Nam, tiêu biểu trong các lĩnh vực: tài chính - ngân hàng - bảo hiểm, du lịch - khách sạn - nhà hàng, vận tải, đào tạo và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; cơ khí chế tạo, điện tử, vật liệu, chế biến dược phẩm và thực phẩm; lúa gạo, sản phẩm thịt, trái cây...

Xây dựng một số đô thị hiện đại làm đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của toàn vùng, đạt các tiêu chuẩn hiện đại trên thế giới, trước hết là thủ đô Hà Nội cùng các thành phố lớn trong vùng như Hải Phòng, Hạ Long, Bắc Ninh, Vĩnh Yên, Nam Định, Hải Dương...

Hoàn thành những công trình trọng điểm để làm tiền đề phát triển nhanh, bền vững, trước hết là hệ thống đường cao tốc, các tuyến đường sắt (tuyến đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông, tuyến đường sắt Métro Nhổn - Ga Hà Nội, tuyến đường sắt Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo, tuyến đường sắt Ngọc Hồi - Yên Viên), đường kết nối giữa các tỉnh, tuyến đường ven biển, hoàn thành xây dựng sân bay Vân Đồn, hệ thống cảng biển.

Để phát triển bền vững và hiệu quả, Hà Nội và các địa phương trong vùng cần phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng các công trình quy mô vùng như mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ, các công trình xử lý chất thải rắn, hệ thống cấp nước, cấp điện, phối hợp phát triển các tour du lịch, cung cấp dịch vụ tài chính - ngân hàng, đào tạo, y tế chất lượng cao... Đồng thời các địa phương cần phối hợp xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch... và xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nhằm hạn chế sự cạnh tranh không cần thiết trong thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài.

Luật Quy hoạch vừa được Quốc hội thông qua, đây là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất đối với công tác quy hoạch. Việc triển khai Luật Quy hoạch đang được các cơ quan liên quan quan tâm. Trong bối cảnh các quy hoạch cũ sắp hết hiệu lực, xây dựng các quy hoạch mới cho giai đoạn 2021-2030 đang đặt ra yêu cầu áp dụng tích hợp các loại quy hoạch theo tinh thần của Luật Quy hoạch.

### **3.2. Định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

- Hà Nội phát triển xứng đáng là Thủ đô, trung tâm chính trị, hành chính quốc gia của một đất nước với trên 100 triệu dân vào năm 2030.

Hình thành hệ thống các khu hành chính, chính trị của Trung ương và thành phố, có hệ thống công sở hiện đại và với những kiến trúc đặc trưng tiêu biểu của Thủ đô một nước Việt Nam phát triển.

- Vào năm 2030, Hà Nội sẽ là một Thủ đô văn minh với tổ chức xã hội phù hợp với trình độ tiên tiến về kinh tế tri thức và công nghệ thông tin, có được những hệ thống công trình văn hóa tiêu biểu của cả nước.

- Hà Nội sẽ là Thủ đô có không gian xanh, sạch, đẹp, hiện đại, có kiến trúc đô thị mang dấu ấn của một Thủ đô ngàn năm văn hiến và mang đậm bản sắc văn hóa của cả dân tộc.

- Về kinh tế, Hà Nội sẽ khẳng định hướng chủ đạo của kinh tế tri thức (phát triển các ngành, sản phẩm chất lượng cao, sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao phương thức quản lý kinh tế hiện đại, tiên tiến); cơ cấu kinh tế với tỷ trọng khu vực dịch vụ và công nghiệp chiếm 98% với các ngành dịch vụ sản xuất, dịch vụ tiêu dùng chất lượng cao và trở thành trung tâm dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, trung tâm du lịch, trung tâm giao thương và phân phối hàng hóa; công nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp đô thị sinh thái. Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 85%, trong đó có 20% lao động có trình độ cao trong tổng số lao động.

- Về phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng: Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa sẽ đạt 67-70%. Kết cấu hạ tầng đô thị được xây dựng đồng bộ, hiện đại. Hệ thống các mạng giao thông vành đai, đường hướng tâm được gắn kết với mạng giao thông đô thị với nhiều loại hình chuyên chở quy mô lớn như đường sắt đô thị, tàu điện ngầm..., kết nối ngoài vùng, nội đô thuận lợi; hệ thống cầu được xây dựng với những kiến trúc đa dạng tạo điểm nhấn trong không gian; hạ tầng thông tin và truyền thông, mạng cấp điện, cấp nước và các công trình bảo vệ môi trường, các công sở, khu dân cư... đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu ngày càng cao của người dân thành phố.

- Thủ đô Hà Nội sẽ là một đô thị sinh thái, môi trường trong sạch, có sự gắn kết hài hòa các yếu tố tự nhiên - xã hội - con người (“đất - nước - cây xanh - văn hóa”) trên một không gian đô thị phát triển bền vững.

- Hà Nội là thành phố an toàn, yên bình, cộng đồng gắn kết hài hòa và thân thiện, trật tự an toàn xã hội tốt, an ninh chính trị giữ vững, quốc phòng được đảm bảo, luôn xứng đáng với danh hiệu “Thành phố vì Hòa Bình”.



### **3.3. Định hướng hoàn thiện quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH thành phố Hà Nội**

#### **3.3.1. Về chủ thể quản lý**

Hoàn thiện bộ máy QLNN về quy hoạch, thực hiện nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan, nâng cao năng lực của các cơ quan liên quan; đẩy nhanh việc thực hiện mô hình thí điểm chính quyền đô thị đối với Thủ đô Hà Nội.

Chính phủ thống nhất quản lý Nhà nước về hoạt động quy hoạch; thực hiện phân cấp quản lý, trong đó phân công cho một cơ quan chịu trách nhiệm chính về quản lý quy hoạch. UBND thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm chính về QLNN đối với QH thành phố Hà Nội.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị, có năng lực, có tính chuyên nghiệp cao, tận tụy phục vụ nhân dân đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của thành phố.

#### **3.3.2. Về công cụ quản lý**

Ngày 24/11/2017, tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Quy hoạch đánh dấu sự hoàn thiện trong cơ chế quản lý nhà nước về quy hoạch. Theo đó, rà soát, hoàn thiện thể chế để nâng cao chất lượng quy hoạch. Luật Quy hoạch có phạm vi điều chỉnh chung cho các loại quy hoạch phát triển trên phạm vi cả nước. Rà soát, sửa đổi Luật liên quan tương ứng với Luật Quy hoạch, ban hành mới các nghị định, thông tư của Chính phủ triển khai Luật Quy hoạch để thành phố Hà Nội cũng như các địa phương khác trên cả nước có căn cứ lập mới QH tổng thể phát triển KTXH cho giai đoạn 2021-2030 theo tinh thần của Luật Quy hoạch.

Ngoài ra, cần có cơ chế, chính sách đặc thù cho Thủ đô Hà Nội. Hà Nội là một trong hai đô thị lớn nhất của cả nước và còn là Thủ đô, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, giáo dục,... Do vậy, việc xây dựng, phát triển Thủ đô ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại là vinh dự và trách nhiệm của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Hà Nội.

Nâng cao chất lượng quy hoạch để quy hoạch thật sự trở thành công cụ hữu hiệu của quản lý nhà nước trong việc quản lý QH tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội.

### **3.3.3. Về đối tượng quản lý**

Quản lý, kiểm soát chặt chẽ các khâu trong quá trình lập quy hoạch, kể từ khi lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch, tham vấn xin ý kiến chuyên gia và cộng đồng cho đến khi thẩm định và trình phê duyệt quy hoạch thành phố Hà Nội.

Vận động tích cực các cơ quan đoàn thể tham gia vào công tác phản biện, đóng góp ý kiến đối với quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội. Đồng thời tham gia tích cực vào việc giám sát, đề xuất kiến nghị các giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với công tác quy hoạch nói chung và QH tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội nói riêng.

## **3.4. Giải pháp hoàn thiện QLNN về QH tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội**

### **3.4.1. Củng cố và kiện toàn bộ máy QLNN về quy hoạch**

Bộ Chính trị đã đồng ý cho Hà Nội thí điểm mô hình chính quyền đô thị tại các quận vào tháng 11/2017. Đây là thời cơ, song cũng là thách thức đặt ra với Thủ đô. Với mô hình mới này, cùng với việc thành phố phải chuẩn bị kỹ lưỡng, cần có cơ chế phù hợp để bảo đảm việc triển khai có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Năm 2018 là năm triển khai Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII của Đảng về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Dự kiến tháng 10/2018, Hà Nội sẽ trình đề án lên Bộ Chính trị kế hoạch xây dựng Đề án thí điểm mô hình chính quyền đô thị thành phố Hà Nội tại quận Đống Đa, quận Long Biên, thị xã Sơn Tây. Đứng trước nhiệm vụ đó, Hà Nội cần tập trung đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật, hiệu quả thực thi các chính sách và sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành ở tất cả các ngành, các cấp với mục tiêu cuối cùng của chính quyền đô thị là tinh gọn bộ máy mà Hà Nội cần phải đi đầu trong việc tinh gọn bộ máy, kiện toàn bộ máy QLNN, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

Cùng với việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thành phố Hà Nội cần khẩn trương cơ cấu sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành có đủ năng lực, trình độ trong lĩnh vực quy hoạch tham gia vào quá trình QLNN về quy hoạch của thành phố.

#### *3.4.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quy hoạch*

Rà soát và thống nhất các văn bản QPPL về quy hoạch, khắc phục sự chồng chéo, mâu thuẫn trong hệ thống pháp luật của Việt nam liên quan đến hoạt động quy hoạch. Trên cơ sở Luật Quy hoạch năm 2017 đã được Quốc hội khóa XIV thông qua, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 về triển khai thi hành Luật Quy hoạch, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch, Thông tư hướng dẫn về định mức chi phí cho hoạt động quy hoạch, trong đó có trường hợp quy hoạch tỉnh, theo đó quy định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan lập quy hoạch tỉnh.

Hà Nội vừa là Thủ đô, vừa là một trong hai đầu tàu phát triển của đất nước. Sự phát triển của Thủ đô Hà Nội có ý nghĩa hết sức to lớn đối với sự phát triển của quốc gia. Luật Thủ đô số 25/2012/QH13 đã được Quốc hội ban hành ngày 21/11/2012, tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, Luật Quy hoạch mới được ban hành. Vì vậy, cần rà soát, điều chỉnh Luật Thủ đô để phù hợp với Luật Quy hoạch.

Trên cơ sở Luật Quy hoạch đã ban hành, cần xây dựng quy hoạch tổng thể cấp quốc gia, quy hoạch tổng thể phát triển KTXH vùng ĐBSH để làm căn cứ khoa học và thực tiễn xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030, nhằm đảm bảo tính thống nhất, tránh sự chồng chéo và mâu thuẫn giữa các bản quy hoạch các cấp.

#### *3.4.3. Hoàn thiện cơ chế chính sách của nhà nước về hoạt động quy hoạch*

- Tiếp tục nghiên cứu, đưa vào áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thành phố trong các lĩnh vực: xây dựng, phát triển, quản lý đô thị; huy động các nguồn lực, có giải pháp nhằm khuyến khích và khai thác tốt nguồn lực từ đội ngũ

cán bộ khoa học và kỹ thuật hiện có. Tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo để nâng cao trình độ dân trí.

- Có cơ chế thu hút đầu tư để phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là mạng lưới giao thông, hệ thống cấp thoát nước và nhà ở.

- Có cơ chế phối hợp với các cơ quan ngoại giao của các nước và các tổ chức quốc tế trên địa bàn Hà Nội để mở rộng hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, khoa học và công nghệ, đảm bảo an ninh...

#### *3.4.4. Đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác quy hoạch*

Từng bước chuẩn hóa đội ngũ cán bộ công chức, viên chức tại các cơ quan QLNN về quy hoạch ở các cấp, các ngành nhằm nâng cao năng lực QLNN về quy hoạch, nâng cao chất lượng các dự án quy hoạch.

Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ, đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác quy hoạch. Xây dựng kế hoạch đào tạo và tổ chức giảng dạy, đổi mới phương pháp giảng dạy giúp cho các bộ làm công tác quy hoạch nắm bắt nhanh, nhạy những kiến thức về công tác quy hoạch, nâng cao chất lượng quy hoạch (Theo Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 17/8/2012 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch nhân lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2020: Tăng tỷ lệ nhân lực qua đào tạo từ 35% tổng lực lượng lao động năm 2011 lên 75% năm 2020. Trong nhân lực qua đào tạo, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề từ 10% năm 2011 lên 35% năm 2020; tỷ lệ lao động có trình độ đại học cao đẳng đạt mức 30% năm 2020; tỷ lệ lao động có trình độ sau đại học đạt 3,5% năm 2020. Phấn đấu đến năm 2020, 98% đội ngũ cán bộ, công chức cấp thành phố, quận, huyện, thị xã có trình độ đại học. Nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên đến năm 2020 có ít nhất 30% giáo viên ở các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề và 50% giáo viên ở các trường cao đẳng nghề có trình độ thạc sỹ trở lên; có 70% giảng viên cao đẳng có trình độ thạc sỹ, trong đó có 15% trình độ tiến sỹ; có 100% giảng viên đại học có trình độ thạc sỹ trở lên, trong đó có 50% là tiến

sỹ. Tăng số người qua đào tạo nghề giai đoạn 2011 - 2015 từ khoảng 120.000 - 130.000 người mỗi năm, lên 160.000 - 180.000 người giai đoạn 2016 – 2020).

Tăng cường đầu tư nghiên cứu và hợp tác, trao đổi thông tin, kinh nghiệm với các tổ chức có kinh nghiệm của nước ngoài về công tác quy hoạch và QLQH; khuyến khích việc nghiên cứu, áp dụng các phương pháp tiếp cận mới về quy hoạch để triển khai xây dựng các quy hoạch phù hợp với điều kiện và từng giai đoạn phát triển của đất nước.

*3.4.5. Xây dựng cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin quy hoạch một cách rõ ràng, công khai, minh bạch, để phục vụ hiệu quả công tác quản lý và kêu gọi đầu tư theo quy hoạch*

Nghiên cứu xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin quy hoạch thống nhất trên phạm vi toàn quốc để giúp Chính phủ, các Bộ, ngành và các địa phương trong việc cập nhật, khai thác, cung cấp và quản lý thông tin về quy hoạch; đồng thời sẽ là kênh cung cấp thông tin quy hoạch chính thống và tin cậy để giúp cho các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân và cộng đồng xã hội trong việc ra quyết định đầu tư và sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin quy hoạch này sẽ là bộ công cụ hữu hiệu để trợ giúp các cơ quan quản lý nhà nước dễ dàng trong việc quản lý và chủ động giải quyết các công việc điều hành phát triển KTXH, kêu gọi đầu tư. Còn đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và cộng đồng xã hội sẽ được chia sẻ và cung cấp thông tin quy hoạch một cách rõ ràng, minh bạch, công khai để phục vụ cho các mục đích như: Giám sát, phản biện các hoạt động quy hoạch; chủ động nghiên cứu và đề ra chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh; tạo lập môi trường cạnh tranh, lành mạnh bình đẳng trong đầu tư; giảm thiểu gánh nặng chi phí khi tìm hiểu thông tin quy hoạch để triển khai quyết định đầu tư.

Hình thành hệ thống thông tin về quy hoạch, kết nối được với hệ thống thông tin quốc gia, kết nối với các sở ngành, quận huyện trên địa bàn thành phố và công bố rộng rãi cho người dân để triển khai thực hiện.

#### *3.4.6. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch*

Để việc thực hiện quy hoạch đạt hiệu quả, quy hoạch thực sự trở thành công cụ quản lý hữu hiệu của nhà nước, việc tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch là việc làm cần thiết. Việc đánh giá thực hiện QH được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo tiêu chí đánh giá do Chính phủ quy định. UBND thành phố Hà Nội tổ chức đánh giá quy hoạch thành phố thông qua Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm và hàng năm đã ban hành và gửi báo cáo đến Thủ tướng Chính phủ.

Thông qua việc kiểm tra, giám sát đó, trong quá trình thực hiện quy hoạch, có sự thay đổi hoặc quá trình thực hiện không khả thi thì cơ quan có thẩm quyền kịp thời giải quyết.

#### *3.4.7. Tăng cường hợp tác, phối hợp với các cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố*

- Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong việc lập quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình do các Bộ, ngành quản lý trên địa bàn Thành phố.

- Gắn kết, phát huy sức mạnh của Trung ương, của các địa phương với sức mạnh của Hà Nội; xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa Trung ương với Hà Nội, giữa các địa phương trong cả nước với Hà Nội, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp, các ngành trong việc thực hiện quy hoạch.

- Hà Nội chủ động phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố trong cả nước để huy động các nguồn lực cho phát triển và hỗ trợ cùng phát triển trên cơ sở vừa hỗ trợ hợp tác, vừa cạnh tranh lành mạnh. Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết và phối hợp phát triển với các tỉnh, thành phố khác trên cơ sở phát huy thế mạnh địa phương để cùng phát triển trên một số lĩnh vực: xây dựng các đô thị mới, khu đô thị mới, khu dân cư; phát triển công nghiệp, các khu, cụm công nghiệp; phát triển du lịch, dịch vụ; nông nghiệp và vành đai cây xanh; phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội và các lĩnh vực xã hội; hệ thống kết cấu hạ

tăng kỹ thuật và hình thành các hành lang kinh tế; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch để thực hiện mục tiêu quy hoạch đã được phê duyệt.

#### *3.4.8. Các giải pháp khác*

- Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 11443/VPCP-QHĐP ngày 27/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, văn bản số 7309/BKHĐT-QLQH ngày 07/9/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, để chuẩn bị các điều kiện để lập quy hoạch cho thời kỳ 2021-2030 theo các quy định của Luật Quy hoạch 2017, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch, cơ quan có thẩm quyền cần phổ biến, tuyên truyền về công tác quy hoạch để UBND thành phố Hà Nội tiến hành lập QH tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030 đảm bảo đúng pháp luật.

- Tập trung xây dựng mô hình quản lý đô thị tiên tiến, đủ năng lực để thích ứng với các biến động phát triển trong giai đoạn phát triển mới đặc biệt là xây dựng đô thị thông minh trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật thực hiện mô hình đô thị thông minh và Chính phủ điện tử. Đây là cơ hội để thành phố Hà Nội tìm ra phương thức và các bước đi thích hợp nhằm xây dựng đô thị thông minh bền vững. Mô hình đô thị thông minh bền vững và Chính phủ điện tử mà thành phố Hà Nội mong muốn hướng tới là mang lại sự tiện ích, an toàn, thân thiện cho mọi người dân dựa trên nền tảng ứng dụng những công nghệ chủ chốt của cuộc cách mạng 4.0

- Bố trí nguồn vốn kịp thời để triển khai thực hiện lập quy hoạch mới cho giai đoạn 2021-2030; cân đối các nguồn lực và giao kế hoạch vốn thực hiện các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư ngay sau khi quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chú trọng biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động quy hoạch. Ngược lại, xử lý có thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với trường hợp vi phạm pháp luật về quy hoạch.

### **Tiểu kết Chương 3**

QLNN về quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội chịu sự tác động của bối cảnh quốc tế và trong nước đòi hỏi phải có hướng giải quyết xác đáng. Thế giới đang đối mặt với nguy cơ biến đổi khí hậu, nước biển dâng; tình hình kinh tế chính trị có nhiều biến động. Trong nước, các thế lực thù địch tiếp tục chống phá quyết liệt, tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định chính trị - xã hội; Việt Nam tham gia các tổ chức thương mại thế giới đặt ra yêu cầu to lớn đối với sự phát triển của đất nước mà đặc biệt là Thủ đô Hà Nội. Tác giả luận văn đã đưa ra định hướng hoàn thiện QLNN về quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội trên cả 3 khía cạnh: chủ thể quản lý, công cụ quản lý và đối tượng quản lý. Từ đó, đưa ra 07 nhóm giải pháp cụ thể hoàn thiện QLNN về quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội gồm: Củng cố và kiện toàn bộ máy QLNN về quy hoạch; Hoàn thiện thể chế về quy hoạch; Hoàn thiện cơ chế chính sách của nhà nước về hoạt động quy hoạch; Đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác quy hoạch; Xây dựng cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin quy hoạch một cách rõ ràng, công khai, minh bạch, để phục vụ hiệu quả công tác quản lý và kê gọi đầu tư theo quy hoạch; Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch; Tăng cường hợp tác, phối hợp với các cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố.



## KẾT LUẬN

Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội có hiệu quả và bền vững cần phải có sự quản lý của cơ quan nhà nước và có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng xã hội. Điều đó có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với sự phát triển của Thủ đô Hà Nội cũng như của cả nước.

Qua quá trình triển khai nghiên cứu, tác giả luận văn đã làm rõ được 3 nội dung chính như sau:

(1) Phân tích cơ sở lý luận về quy hoạch và QH tổng thể phát triển KTXH tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; quản lý và QLNN về QH tổng thể phát triển KTXH tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và vị trí, vai trò của thành phố Hà Nội đối với sự phát triển của đất nước.

(2) Phân tích, đánh giá thực trạng QLNN đối với quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội thông qua việc giới thiệu khái quát về thành phố Hà Nội; phân tích thực trạng QLNN về quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội giai đoạn 2008 đến nay (qua 3 khía cạnh: chủ thể quản lý, công cụ quản lý và đối tượng quản lý); đánh giá những mặt được, chưa được trên 3 khía cạnh đó và chỉ ra những nguyên nhân những nguyên nhân chủ yếu của những mặt được và những mặt hạn chế, yếu kém của QLNN về quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội giai đoạn 2008 đến nay;

(3) Đề xuất được định hướng hoàn thiện QLNN về quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội trong thời gian tới trước bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều biến động và mục tiêu chiến lược phát triển thành phố HN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; 07 giải pháp cụ thể hoàn thiện quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội.

- Củng cố và kiện toàn bộ máy QLNN về quy hoạch;
- Hoàn thiện thể chế về quy hoạch;
- Hoàn thiện cơ chế chính sách của nhà nước về hoạt động quy hoạch;
- Đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác quy hoạch;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin quy hoạch một cách rõ ràng,

công khai, minh bạch, để phục vụ hiệu quả công tác quản lý và kê gọi đầu tư theo quy hoạch;

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch.

Quản lý nhà nước đối với công tác quy hoạch, nhất là quản lý Nhà nước đối với công tác quy hoạch tổng thể phát triển KTXH tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đặc biệt là thành phố Hà Nội là một trong những vấn đề được Đảng, Nhà nước và toàn thể nhân dân đặc biệt quan tâm chú ý, bởi thành phố Hà Nội là Thủ đô, là trái tim của cả dân tộc Việt Nam.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài đã nhận được sự hợp tác, giúp đỡ hữu hiệu của giáo viên hướng dẫn - TS. Cao Ngọc Lân, các anh (chị) đang công tác tại Viện Chiến lược phát triển - Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Nhân dịp này, tác giả đề tài xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất về những sự giúp đỡ, hợp tác quý báu đó. Tác giả đề tài mong muốn tiếp tục nhận được sự giúp đỡ, hợp tác hơn nữa trong thời gian tới.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Bá Ân (2012), Đề tài khoa học “Thực trạng và giải pháp đổi mới xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội (vùng tỉnh) đối với công tác kế hoạch ở địa phương”, Viện Chiến lược phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
2. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa XV tại Đại hội đại biểu lần thứ XVI Đảng bộ thành phố Hà Nội.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), Tài liệu phục vụ họp ban soạn thảo Luật quy hoạch, Hà Nội.
4. Mai Văn Bru (2007), Giáo trình Quản lý kinh tế quốc dân, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội;
5. Lê Kim Chi (2013), Tập bài giảng Quy hoạch phát triển lãnh thổ, Khoa Quy hoạch phát triển - Học viện Chính sách và phát triển.
6. Chính phủ (2008), Nghị định số 04/2008/NĐ- CP ngày 11/01/2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển KT – XH.
7. Chính phủ (2006), Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển KT- XH.
8. Cục thống kê thành phố Hà Nội (2017), Niên giám thống kê thành phố Hà Nội;
9. Nguyễn Tiến Dũng (2007), Bài giảng Quy hoạch phát triển, Trường Địa học Kinh tế quốc dân.
10. Hoàng Sỹ Động (2012), *Quy hoạch từ lý thuyết để thực tiễn ở nước chuyển đổi mô hình phát triển*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
11. Phan Huy Đường (2015), *Quản lý nhà nước về kinh tế*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
12. Trần Trọng Hanh (2013), Giải pháp cho cách tiếp cận tổng hợp quy hoạch vùng ở Việt Nam, Hội thảo “Đổi mới công tác quy hoạch vùng ở Việt Nam”, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

13. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2015), Giáo trình Quản lý học, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội;
14. Học viện Hành chính Quốc gia (2010), Giáo trình Quản lý học đại cương, NXB Học viện Hành chính, Hà Nội;
15. Học viện Hành chính Quốc gia (2010), Giáo trình Lý luận hành chính nhà nước, NXB Học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội;
16. Cao Ngọc Lân (2014), Đề tài khoa học cấp Bộ “Đánh giá thực trạng quản lý phát triển vùng ở Việt Nam giai đoạn 2001-2010”.
17. Đinh Văn Mậu (2008); Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, NXB Học viện Hành chính quốc gia, Hà Nội;
18. Nguyễn Hữu Ngữ (2011), Bài giảng Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH (Tài liệu tham khảo dành cho hệ cao học ngành Quản lý đất đai), Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế.
19. Đàm Đình Nhuệ, Nguyễn Xuân Thu, Nguyễn Cúc (2015), Giáo trình Quản lý phát triển địa phương, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội;
20. Hoàng Ngọc Phong (2016), Thê chế kinh tế vùng ở Việt Nam: Hiện trạng và giải pháp, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội;
21. Quốc hội (2017), Luật Quy hoạch.
22. Quốc hội (2012), Luật Thủ đô;
23. Quốc hội (2008), Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12 ngày 29/5/2008 về việc điều chỉnh địa giới hành chính Hà Nội và một số tỉnh có liên quan;
24. Ngô Thúy Quỳnh (2014), Những vấn đề chủ yếu về quản lý nhà nước đối với vùng lãnh thổ, NXB thống kê, Hà Nội;
25. Thủ tướng Chính phủ(2012), Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển KT – XH Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
26. Thủ tướng Chính phủ (2011), Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

27. Thủ tướng Chính phủ (2013), Quyết định số 1615/QĐ-TTg ngày 17/9/2013 về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quy hoạch.

28. Thủ tướng Chính phủ (2013), Quyết định số 795/QĐ-TTg ngày 23/5/2013 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSH đến năm 2020.

29. Thủ tướng Chính phủ (2014), Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH vùng KTTĐ Bắc Bộ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

30. Đỗ Hoàng Toàn (2008), *Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

31. Tổng cục thống kê (2017), Niên giám thống kê cả nước;

32. Trang Thị Tuyết (2009), *Giáo trình Quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

33. UBND thành phố Hà Nội (2012), Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 17/8/2012 về việc phê duyệt quy hoạch nhân lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2020;

34. Viện Chiến lược phát triển (2004), *Quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

302. Viện Chính trị học (2013), *Giáo trình Khoa học quản lý (hệ cao cấp lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị-Hành chính, Hà Nội.

35. Ngô Doãn Vịnh (2003), *Nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam – học hỏi và sáng tạo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

36. Ngô Doãn Vịnh (2013), *Giải thích thuật ngữ trong nghiên cứu phát triển*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

**PHỤ LỤC**  
**TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN QUY HOẠCH ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT THỜI KỲ**  
**ĐẾN NĂM 2020**

STT	Tên dự án quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch (Dự án QH, ĐCQH)	Căn cứ pháp lý lập quy hoạch	Cấp phê duyệt	Số quyết định phê duyệt
A	<b>QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CẤP THÀNH PHỐ, CẤP HUYỆN ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030 (20 QH)</b>			
1	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008	Thủ tướng Chính phủ	QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011
2	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ba Vì đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 894/QĐ-UBND ngày 20/02/2012
3	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Chương Mỹ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 2758/QĐ-UBND ngày 24/4/2013
4	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đan Phượng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 1754/QĐ-UBND ngày 27/4/2012
5	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đông Anh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 124/QĐ-UBND ngày 08/01/2013
6	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Gia Lâm đến năm 2020	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày 04/06/2008
7	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hoài Đức đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 4157/QĐ-UBND ngày 21/9/2012
8	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Mê Linh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3947/QĐ-UBND ngày 06/9/2012
9	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Mỹ Đức đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 1333/QĐ-UBND ngày 30/3/2012
10	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Phú Xuyên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3770/QĐ-UBND ngày 23/8/2012
11	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Phúc Thọ đến năm 2020, định hướng đến	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số	UBND TP Hà Nội	QĐ số 4156/QĐ-UBND ngày 21/9/2012

	năm 2030	222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012		
12	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quốc Oai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 2999/QĐ-UBND ngày 08/5/2013
13	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sóc Sơn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3914/QĐ-UBND ngày 04/9/2012
14	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Từ Liêm đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 503/QĐ-UBND ngày 22/01/2013
15	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thạch Thất đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 4275/QĐ-UBND ngày 26/09/2012
16	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thanh Oai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3771/QĐ-UBND ngày 23/8/2012
17	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thanh Trì đến năm 2020	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 2882/QĐ-UBND ngày 27/6/2012
18	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thường Tín đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 177/QĐ-UBND ngày 10/01/2013
19	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ứng Hòa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 89/QĐ-UBND ngày 07/01/2013
20	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Sơn Tây đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3356/QĐ-UBND ngày 28/5/2013
<b>B</b>	<b>QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ SẢN PHẨM CHỦ YẾU (76 QH)</b>			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Công thương (35 QH)</b>			
1	Quy hoạch phát triển công nghiệp Thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	QĐ số 2946/QĐ-UBND ngày 26/12/2008	UBND TP Hà Nội	QĐ số 2261/QĐ-UBND ngày 25/5/2012
2	Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại Thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	QĐ số 4655/QĐ-UBND ngày 10/9/2009	UBND TP Hà Nội	QĐ số 2757/QĐ-UBND ngày 20/6/2012
3	Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề Thành phố Hà Nội đến 2020, định hướng đến năm 2030	QĐ số 2583/QĐ-UBND ngày 29/5/2009	UBND TP Hà Nội	QĐ số 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2013
4	Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ trên địa bàn	QĐ số 3277/QĐ-UBND ngày 02/7/2009	UBND TP Hà Nội	QĐ số 5058/QĐ-UBND ngày

	Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030			05/11/2012
5	Quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	QĐ số 2804/QĐ-UBND ngày 09/6/2009	UBND TP Hà Nội	QĐ số 5059/QĐ-UBND ngày 05/11/2012
6	Quy hoạch phát triển điện lực Thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	Bộ Công Thương	QĐ số 4351/QĐ-UBND ngày 29/8/2011
7	Quy hoạch phát triển điện lực huyện Gia Lâm giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020 được.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3302/QĐ-UBND ngày 23/7/2012
8	Quy hoạch phát triển điện lực quận Long Biên giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3373/QĐ-UBND ngày 25/7/2012
9	Quy hoạch phát triển điện lực quận Hoàng Mai giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3369/QĐ-UBND ngày 25/7/2012
10	Quy hoạch phát triển điện lực quận Ba Đình giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3308/QĐ-UBND ngày 23/7/2012
11	Quy hoạch phát triển điện lực quận Cầu Giấy giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 897/QĐ-UBND ngày 21/2/2012
12	Quy hoạch phát triển điện lực quận Đống Đa giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3309/QĐ-UBND ngày 23/7/2012
13	Quy hoạch phát triển điện lực quận Hà Đông giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3344/QĐ-UBND ngày 24/7/2012
14	Quy hoạch phát triển điện lực quận Hai Bà Trưng giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3303/QĐ-UBND ngày 23/7/2012
15	Quy hoạch phát triển điện lực quận Hoàn Kiếm giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 882/QĐ-UBND ngày 20/02/2012
16	Quy hoạch phát triển điện lực quận Tây Hồ giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 898/QĐ-UBND ngày 21/02/2012
17	Quy hoạch phát triển điện lực quận Thanh Xuân giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3348/QĐ-UBND ngày 24/7/2012
18	Quy hoạch phát triển điện lực Thị xã Sơn Tây giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 883/QĐ-UBND ngày 20/02/2012
19	Quy hoạch phát triển điện lực Huyện Ba Vì giai đoạn 2011 – 2015 có xét	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3307/QĐ-UBND ngày 23/7/2012



	đến năm 2020.			
20	Quy hoạch phát triển điện lực Huyện Chương Mỹ giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3372/QĐ-UBND ngày 25/7/2012
21	Quy hoạch phát triển điện lực Huyện Đan Phượng giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3310/QĐ-UBND ngày 23/7/2012
22	Quy hoạch phát triển điện lực Huyện Đông Anh giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3371/QĐ-UBND ngày 25/7/2012
23	Quy hoạch phát triển điện lực Huyện Hoài Đức giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 928/QĐ-UBND ngày 23/02/2012
24	Quy hoạch phát triển điện lực Huyện Mê Linh giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3310/QĐ-UBND ngày 23/7/2012
25	Quy hoạch phát triển điện lực Huyện Mỹ Đức giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3346/QĐ-UBND ngày 24/7/2012
26	Quy hoạch phát triển điện lực Huyện Phúc Thọ giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3306/QĐ-UBND ngày 23/7/2012
27	Quy hoạch phát triển điện lực Huyện Quốc Oai giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 845/QĐ-UBND ngày
28	Quy hoạch phát triển điện lực Huyện Sóc Sơn giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 846/QĐ-UBND ngày
29	Quy hoạch phát triển điện lực Huyện Thạch Thất giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 847/QĐ-UBND ngày 17/02/2012
30	Quy hoạch phát triển điện lực Huyện Thanh Oai giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 844/QĐ-UBND ngày 17/02/2012
31	Quy hoạch phát triển điện lực Huyện Thanh Trì giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3347/QĐ-UBND ngày 24/7/2012
32	Quy hoạch phát triển điện lực Huyện Thường Tín giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3345/QĐ-UBND ngày 24/7/2012
33	Quy hoạch phát triển điện lực Huyện Từ Liêm giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 881/QĐ-UBND ngày 20/02/2012
34	Quy hoạch phát triển điện lực Huyện Ứng Hòa giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3370/QĐ-UBND ngày 25/7/2012
35	Quy hoạch phát triển điện lực Huyện Phú Xuyên giai	QĐ số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3370/QĐ-UBND ngày

	đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020.			25/7/2012
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT (10 QH)</b>			
1	Quy hoạch phát triển nông nghiệp TP Hà Nội đến năm 2020, định hướng 2030.	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; NĐ số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008; QĐ số 1590/QĐ-TTg ngày 09/10/2009; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; QĐ số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012; NQ số 03/2012/NQ-HĐND ngày 05/4/2013.	UBND TP Hà Nội	QĐ số 17/2012/QĐ-UBND ngày 09/7/2012
2	Quy hoạch phòng chống lũ chi tiết của từng tuyến sông có đề trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020.	Luật Đê điều số 113/NĐ-CP ngày 28/6/2007; NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; NĐ số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008; QĐ số 1590/QĐ-TTg ngày 09/10/2009; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011.	HĐND Thành phố	NQ số 17/2009/NQ-HĐND ngày 21/6/2007
3	Quy hoạch phát triển thủy lợi thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	NĐ số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; NĐ số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008; QĐ số 1590/QĐ-TTg ngày 09/10/2009; QĐ số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011. NQ số 09/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013.	UBND TP Hà Nội	QĐ số 4673/QĐ-UBND ngày 18/10/2012
4	Quy hoạch phát triển thủy sản Thành phố Hà Nội đến 2020, định hướng đến 2030	Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008; Quyết định 1590/QĐ-TTg ngày 09/10/2009; Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 16/9/2010. Quyết định 17/2012/QĐ-UBND ngày 09/7/2012.	UBND TP Hà Nội	QĐ số 1836/QĐ-UBND ngày 25/2/2013
5	Quy hoạch cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Thành phố Hà Nội. đến năm 2020 định hướng đến năm 2030.	Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; Quyết định số 800/100/QĐ-TTg ngày 04/6/2010; Quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 21/3/2013	UBND TP Hà Nội	QĐ số 2691/QĐ-UBND ngày 18/4/2014
6	Quy hoạch phát triển chăn nuôi thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng 2030	Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011	UBND TP Hà Nội	1835/QĐ-UBND ngày 18/4/2013
7	Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hà Nội, giai đoạn 2012-2020	Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011	UBND TP Hà Nội	710/QĐ-UBND ngày 6/2/2013
8	Quy hoạch phát triển sản xuất lúa thành phố Hà Nội theo hướng bền vững giai đoạn đến năm 2020	Quyết định số 3367/QĐ-BNN-TT ngày 31/7/2014	UBND TP Hà Nội	3467/QĐ-UBND ngày 24/7/2015
9	Quy hoạch đê điều trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Luật đê điều; Quyết định 92/2007/QĐ-TTg ngày 21/6/2007 của Thủ tướng CP	HĐND Thành phố	21/2013-NQ-HĐND ngày 03/12/2013

10	Quy hoạch hệ thống cơ sở giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố Hà Nội	Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ; Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008	UBND TP Hà Nội	5791/QĐ-UBND ngày 12/12/2012
<b>III Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao - Du lịch (03 QH)</b>				
1	Quy hoạch phát triển văn hóa Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	QĐ số 581/QĐ-TTg ngày 06/05/2009; QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011	UBND TP Hà Nội	QĐ số 4641/QĐ-UBND ngày 17/10/2012
2	Quy hoạch phát triển thể thao thành phố Hà Nội đến năm 2020 định hướng đến năm 2030	QĐ số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011; QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011	UBND TP Hà Nội	QĐ số 369/QĐ-UBND ngày 16/01/2014
3	Quy hoạch phát triển du lịch Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	QĐ số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011	UBND TP Hà Nội	QĐ số 4597/QĐ-UBND ngày 16/10/2012
<b>IV Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo, phát triển nhân lực (03 QH)</b>				
1	Quy hoạch mạng lưới trường học thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Nghị định số 92/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 7/9/2006	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3075/QĐ-UBND ngày 12/7/2012
2	Quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Nghị định số 92/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 7/9/2006	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3074/QĐ-UBND ngày 12/7/2012
3	Quy hoạch phát triển nhân lực Thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2020	Nghị định số 92/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 7/9/2006	UBND TP Hà Nội	3724/QĐ-UBND ngày 24/1/2014
<b>V Lĩnh vực Y tế (01 QH)</b>				
1	Quy hoạch phát triển hệ thống y tế Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Nghị định số 92/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 7/9/2006	UBND TP Hà Nội	QĐ số 2813/QĐ-UBND ngày 21/6/2012
<b>VI Lĩnh vực Lao động - Thương binh - Xã hội (02 QH)</b>				
1	Quy hoạch phát triển mạng lưới Trường Cao đẳng nghề, Trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề Thành phố Hà Nội đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	QĐ số 630/QĐ-TTg ngày 29/5/2012; Chương trình số 04/Ctr-TU ngày 18/01/2011; NQ số 06/NQ-HĐND của HĐND TP Hà Nội	UBND TP Hà Nội	QĐ số 673/QĐ-UBND ngày 24/01/2014
2	Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/1/2008	UBND TP Hà Nội	2330/QĐ-UBND ngày 22/5/2015
<b>VII Lĩnh vực Thông tin truyền thông (04 QH)</b>				
1	Quy hoạch phát triển Công nghệ thông tin thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030		UBND TP Hà Nội	QĐ số 6109/QĐ-UBND ngày 26/12/2012
2	Quy hoạch phát triển bưu chính viễn thông TPHN đến 2020, định hướng đến 2030		UBND TP Hà Nội	QĐ số 3563/QĐ-UBND ngày 10/06/2013
3	QHCT Trung tâm Truyền hình - Đài phát thanh và Truyền hình Hà Nội tỷ lệ	Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12	UBND Thành phố Hà Nội	4821/QĐ-UBND ngày 14/8/2013

	1/500			
4	Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008; Thông tư 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012; Thông tư 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013; Thông tư 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013; Quyết định 3885/QĐ-UBND ngày 21/7/2014	UBND Thành phố Hà Nội	5800/QĐ-UBND ngày 22/8/2017
<b>VII Lĩnh vực Giao thông vận tải (02 QH)</b>				
1	Quy hoạch phát triển giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, định hướng 2050		Thủ tướng Chính phủ	QĐ số 519/QĐ-TTg ngày 31/3/2016
2	Quy hoạch chi tiết đường sắt khu vực đầu mối thành phố Hà Nội		Bộ GTVT	1399/QĐ-BGTVT ngày 18/6/2012
<b>IX Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng (02 QH)</b>				
1	Quy hoạch mạng lưới các cơ sở làm việc thuộc Công an thành phố Hà Nội (Giai đoạn đến năm 2020)	Văn bản số Số 1940/2004/H11(H16) ngày 6/8/2004; Văn bản số 4181/HĐ-H41-H45 ngày 15/7/2011 của Tổng cục Hậu cần Kỹ Thuật - Bộ Công an	Bộ Công an	QĐ số 4312/QĐ-BCA-H41 ngày 14/10/2011
2	Quy hoạch tổng thể hệ thống cơ sở của lực lượng cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ của Thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006	UBND TP Hà Nội	812/QĐ-UBND ngày 17/2/2016
<b>X Lĩnh vực Kết cấu hạ tầng đô thị (08 QH)</b>				
1	Quy hoạch hệ thống nghĩa trang thành phố Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	+ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009 của Quốc Hội; + Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;	Thủ tướng Chính phủ	QĐ số 496/QĐ-TTg ngày 08/04/2014
2	QH cấp nước Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		Thủ tướng Chính phủ	số 499/QĐ-TTg ngày 21/3/2013
3	QH thoát nước Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		Thủ tướng Chính phủ	số 725/QĐ-TTg ngày 10/5/2013
4	QH hệ thống công viên, vườn hoa, cây xanh Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		UBND Thành phố	số 1495/QĐ-UBND ngày 18/3/2014
5	QH xử lý chất thải rắn Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		Thủ tướng Chính phủ	số 609/QĐ-TTg ngày 25/4/2014
6	Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Nghị định 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ	UBND Thành phố	4524/QĐ-UBND ngày 29/9/2011
7	Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm - thành phố Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.		UBND Thành phố	6649/QĐ-UBND ngày 03/12/2015
8	Quy hoạch xây dựng hệ thống trụ sở các cơ quan tư pháp thành phố Hà Nội		UBND Thành phố	4953/QĐ-UBND ngày 09/9/2016

	đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050			
<b>XI</b>	<b>Lĩnh vực Tài nguyên và môi trường (05 QH)</b>			
1	Quy hoạch bảo tồn Đa dạng sinh học thành phố Hà Nội đến năm 2030"	Luật Đa dạng sinh học; NĐ số 65/NĐ-CP ngày 11/6/2010; QĐ số 45/QĐ-TTg ngày 08/1/2014; NQ số 06/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014	UBND TP Hà Nội	QĐ số 4929/QĐ-UBND ngày 24/9/2014
2	Quy hoạch mạng lưới quan trắc chất lượng không khí cố định trên địa bàn TP Hà Nội đến năm 2020	Luật bảo vệ môi trường 2005	UBND TP Hà Nội	355/QĐ-UBND ngày 13/1/2012
3	Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn Hà Nội đến năm 2020	Luật Khoáng sản 2010	UBND TP Hà Nội	6572/QĐ-UBND ngày 9/12/2014
4	Quy hoạch sử dụng cát, sỏi xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2015, định hướng 2020	Luật Khoáng sản 2010	UBND TP Hà Nội	711/QĐ-UBND ngày 1/2/2013
5	Quy hoạch mạng lưới quan trắc Tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2020	Điều 96 Luật Bảo vệ môi trường	UBND TP Hà Nội	6187/QĐ-UBND ngày 30/12/2011
<b>XII</b>	<b>Lĩnh vực nội vụ (01 QH)</b>			
1	Quy hoạch ngành Văn thư lưu trữ thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Luật lưu trữ năm 2011, nghị định 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002, Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; Quyết định 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011	UBND TP Hà Nội	7051/QĐ-UBND ngày 22/12/2016
<b>C</b>	<b>QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT (31 QH)</b>			
1	<b>Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) Thành phố Hà Nội</b>	<b>Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP</b>	<b>Chính phủ</b>	<b>Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 09/01/2013</b>
2	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) quận Tây Hồ	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 2157/QĐ-UBND ngày 24/4/2014
3	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) quận Ba Đình	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	
4	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) quận Hoàn Kiếm	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3562/QĐ-UBND ngày 30/6/2014
5	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) quận Đống Đa	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 2148/QĐ-UBND ngày 22/4/2014
6	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) quận Hai Bà Trưng	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 1402/QĐ-UBND ngày 12/3/2014
7	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 5982/QĐ-UBND ngày

	sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) quận Thanh Xuân			02/10/2013
8	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) quận Cầu Giấy	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 2267/QĐ-UBND ngày 26/4/2014
9	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) quận Hoàng Mai	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 06/QĐ-UBND ngày 16/01/2014
10	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) quận Long Biên	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3207/QĐ-UBND ngày 18/6/2014
11	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Thanh Trì	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 2156/QĐ-UBND ngày 22/4/2014
12	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Gia Lâm	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 2656/QĐ-UBND ngày 15/5/2014
13	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Đông Anh	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 221/QĐ-UBND ngày 10/1/2014
14	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Sóc Sơn	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 32/QĐ-UBND ngày 02/01/2014
15	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Mê Linh	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 33/QĐ-UBND ngày 02/01/2014
16	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) quận Hà Đông	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 831/QĐ-UBND ngày 06/02/2014
17	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) thị xã Sơn Tây	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 7968/QĐ-UBND ngày 30/12/2013
18	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Ba Vì	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 6669/QĐ-UBND ngày 04/11/2013
19	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Chương Mỹ	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 264/QĐ-UBND ngày 13/01/2014

20	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Đan Phượng	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 7966/QĐ-UBND ngày 30/12/2013
21	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Hoài Đức	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 7967/QĐ-UBND ngày 30/12/2013
22	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Mỹ Đức	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 6886/QĐ-UBND ngày 14/11/2013
23	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Phú Xuyên	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 263/QĐ-UBND ngày 13/01/2014
24	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Phúc Thọ	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 6240/QĐ-UBND ngày 15/10/2013
25	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Quốc Oai	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 2147/QĐ-UBND ngày 24/4/2014
26	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Thạch Thất	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 7308/QĐ-UBND ngày 04/12/2013
27	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Thanh Oai	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 935/QĐ-UBND ngày 17/02/2014
28	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Thường Tín	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 7608/QĐ-UBND ngày 16/12/2013
29	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Ứng Hòa	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP	UBND TP Hà Nội	QĐ số 7607/QĐ-UBND ngày 16/12/2013
30	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) quận Nam Từ Liêm	Luật đất đai 2014; QĐ số 695/QĐ-UBND ngày 01/02/2013	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3733/QĐ-UBND ngày 11/7/2014
31	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) quận Bắc Từ Liêm	Luật Đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP; Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 27/12/2013	UBND TP Hà Nội	QĐ số 3734/QĐ-UBND ngày 11/7/2014

*Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội năm 2018*